

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

HÀ NỘI - 2023

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM
Số: 1004/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

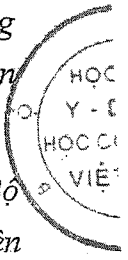
Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

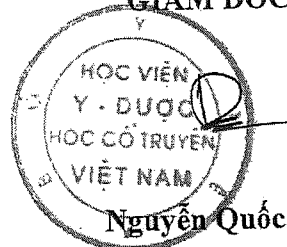
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

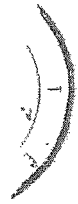
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Triết học

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đinh Nguyễn An

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0944371111; Email: dinhnguyenan1181@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Bùi Thị Phương Thúy

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0989727656 ; Email: Phuongthuy12883.pt@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Triết học

Tên tiếng Anh: Philosophy

2.2. Mã học phần: HVTR

2.3. Số tín chỉ : 03 tín chỉ lý thuyết ; 0 thực hành

2.4. Áp dụng cho:

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Thạc sĩ

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết

+ Làm bài kiểm tra trên lớp: 01 tiết

+ Thảo luận: 8 tiết

+ Tự học: 13 tiết

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Hiểu được tầm quan trọng và ghi nhớ được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay.

3.1.2. Kỹ năng:

Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức đối tượng (đặc biệt là các đối tượng thuộc lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên) cũng như trong quá trình vận dụng kiến thức đã học để cải tạo thực tiễn.

3.1.3. Thái độ:

- Tôn trọng các nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn.

- Thấy được vai trò của khoa học công nghệ như là động lực của sự phát triển xã hội.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình môn Triết học có 4 chương, trong đó gồm :

- Chương 1: Đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông và một phần tư tưởng triết học Việt Nam

- Chương 2: Gồm các nội dung nâng cao về Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- Chương 3: Đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ hiện nay.

- Chương 4: Phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội và thực trạng vấn đề này ở nước ta giai đoạn hiện nay.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	I. Triết học là gì? 1. Khái niệm triết học 2. Đối tượng của triết học 3. Vấn đề cơ bản của triết học 4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 5. Khả tri và bất khả tri 6. Biện chứng và siêu hình II. Triết học phương Đông 1. Triết học Ấn Độ cổ đại 2. Triết học Trung Hoa cổ đại III. Tư tưởng triết học Việt Nam - Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam. - Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. IV. Triết học phương Tây 1. Đặc thù của triết học phương Tây. 2. Triết học Hy Lạp cổ đại 3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại. 4. Triết học cổ điển Đức. 5. Triết học phương Tây đương đại.	16 tiết	- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam. - Hiểu được tầm quan trọng và nắm bắt được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, coi đó là kim chỉ nam cho hành động của bản thân	+ Giảng lý thuyết + Thảo luận trên lớp + Học viên tự học	Đinh Nguyễn An

<p>Chương 2:</p> <p>TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN</p>	<p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin. <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định). 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật <p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người <p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những biến đổi của thời đại 2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin 	<p>12 tiết</p>	<p>- Trình bày được nội dung 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.</p> <p>- Nắm bắt được các ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ quá trình học tập, nghiên cứu các nguyên lý, quy luật, phạm trù nêu trên.</p> <p>- Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.</p> <p>- Tôn trọng các nguyên tắc, quan điểm được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (nguyên tắc khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử-cụ thể...v.v.), lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn.</p>	<p>+ Giảng lý thuyết</p> <p>+ Thảo luận trên lớp</p> <p>+ Học viên tự học</p>	<p>Đinh Nguyễn An</p>
<p>Chương 3:</p>	<p>1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</p> <p><i>a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.</i></p>	<p>8 tiết</p>	<p>- Nắm bắt được mối quan hệ tương hỗ giữa Triết học và Khoa học</p>	<p>+ Giảng lý thuyết</p>	

<p>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</p>	<p><i>b. Ý nghĩa của phát minh</i></p> <p>2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học</p> <p><i>a. Thế giới quan và phương pháp luận</i></p> <p><i>b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học</i></p> <p><i>c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường</i></p>		<p>- Nhận thức được vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học đối với sự phát triển của khoa học.</p> <p>- Tôn trọng mối quan hệ 2 chiều giữa Triết học và Khoa học trong nhận thức, nghiên cứu khoa học và cải tạo hiện thực.</p>	<p>+ Học viên tự học</p>	<p>Đinh Nguyễn An</p>
<p>Chương 4: VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p>	<p>1. Ý thức Khoa học</p> <p><i>a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó.</i></p> <p><i>b. Các loại hình khoa học chủ yếu</i></p> <p>2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</p> <p><i>a. Cách mạng khoa học - công nghệ</i></p> <p><i>b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i></p> <p>3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</p> <p><i>a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.</p> <p>- Những hạn chế, yếu kém.</p> <p>- Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém.</p> <p><i>b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ.</p> <p>- Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam.</p> <p>- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.</p>	<p>9 tiết</p>		<p>+ Giảng lý thuyết</p> <p>+ Thảo luận trên lớp</p> <p>+ Học viên tự học</p>	

6. Học liệu

* *Tài liệu chính:* Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Kiểm tra	Thảo luận				
1	Chương 1: Khái lược về Triết học	8		4		4		
2	Chương 2: Triết học Mác - Lênin	4	1	3		4		
3	Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên	4		4			Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo	
4	Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội	4		4		1		

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi tự luận hoặc Viết bài tiểu luận
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

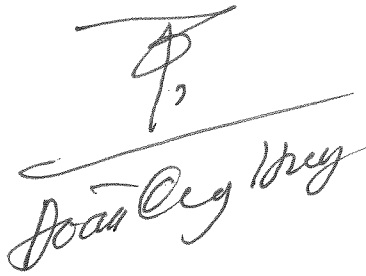
9.2. Điểm tổng kết học phần: 100% trong đó:

- Điểm chuyên cần: Chiếm 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Chiếm 30%
- Điểm thi kết thúc học phần: Chiếm 60%

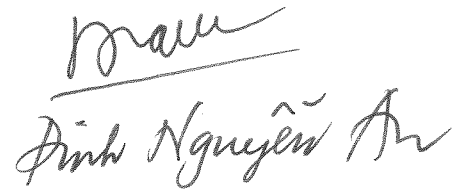
9.3. Điểm tổng kết học phần phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT


Nguyễn Văn Hùng

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN


Đinh Nguyễn An

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành
- * Tiếng Anh: English for Medical Purposes
- Mã học phần: 341102
- Số tín chỉ: 03 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành: 0 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 90 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ YHCT, năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Thi đầu vào ngoại ngữ tiếng Anh
 - + Học phần học trước (đã học): Không
 - + Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh trong lĩnh vực y khoa ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp chuyên ngành y khoa.
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp về chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		√	
MT2		√	
MT3		√	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y khoa theo các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào học tập, tìm hiểu, trao đổi và nghiên cứu chuyên môn.
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp, kiến thức và từ vựng ở các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu

	bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.
CLO3	Vận dụng các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo cặp và nhóm vào thảo luận và trình bày các vấn đề liên quan đến bài học một cách hiệu quả bằng tiếng Anh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1			2					1
CLO2			2					1
CLO3			2				1	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/ thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần

Học phần **Tiếng Anh chuyên ngành** gồm 05 nội dung lớn, với tổng số 30 bài học. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và thực hành Nghe, Nói, Đọc, Viết về lĩnh vực y khoa.

Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyên viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...

Thông qua hoạt động học tập, học viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/KT /TH)	CDR của bài học	Lquan đến CDR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<p>Nội dung 1: Making a diagnosis Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc chẩn đoán, tương tác với bệnh nhân và truyền đạt thông tin một cách hiệu quả trong lĩnh vực y học và chăm sóc sức khỏe.	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. 2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi 3. suy nghĩ - trả lời 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	<p>Nội dung 2: Working under pressure Lesson 1: If you are not sure, ask Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng, thuật ngữ trong diễn đạt tiếng Anh để phát	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn	

	<p>Lesson 3: Has he ever fainted before</p> <p>Lesson 4: I'd like to ask you a few questions</p> <p>Lesson 5: We need to take a sample</p> <p>Lesson 6: Can I explain the procedure</p> <p>Team Project 2</p>		<p>triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc dưới áp lực, bảo đảm an toàn và hiệu quả trong tình huống khẩn cấp trong ngữ cảnh y tế.</p>		<p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Nội dung 3: Breaking bad news</p> <p>Lesson 1: Can you describe the pain</p> <p>Lesson 2: It's how you say it</p> <p>Lesson 3: It's getting you down, isn't it</p> <p>Lesson 4: We need a psychiatric evaluation</p> <p>Lesson 5: It might be multiple sclerosis</p> <p>Lesson 6: I'm afraid to say that...</p> <p>Team Project 3</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống nhạy cảm khi truyền đạt tin tức xấu trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>		
<p>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</p> <p>Lesson 1: She can hardly speak</p> <p>Lesson 2: How many fingers can</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng</p>					

	<p>you see</p> <p>Lesson 3: We need to run a few more tests</p> <p>Lesson 4: What medication would you prescribe</p> <p>Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan</p> <p>Lesson 6: I'm going to teach you some exercises</p> <p>Team Project 4</p>		<p>tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc nhận biết, chẩn đoán và chăm sóc bệnh nhân sau đột quỵ trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>			
	<p>Nội dung 5: Referring a patient</p> <p>Lesson 1: I can't put up with the pain</p> <p>Lesson 2: Thank you for referring the patient</p> <p>Lesson 3: Let's examine your mouth</p> <p>Lesson 4: Follow the postoperative advice</p> <p>Lesson 5: Your test results are back</p> <p>Lesson 6: You are very lucky</p> <p>Team Project 5</p>	9/0/18	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ, từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình giới thiệu bệnh nhân đến các chuyên gia hoặc chuyên khoa khác nhau trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.</p>			
	<p>Thi kết thúc học phần</p>	2 tiết (90 phút)				<p>Gồm 80 câu trắc nghiệm và 01 câu tự luận, nội dung bao quát toàn bộ chương trình.</p>

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Bài thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận trên giấy	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần:

Điểm đạt khi: Điểm thi kết thúc học phần từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình học tập:

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English*. Thomson Press

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use – Medicine*. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essential skills for doctor-patient communication*. Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Và các websites chuyên ngành.

11. Hướng dẫn thực hiện

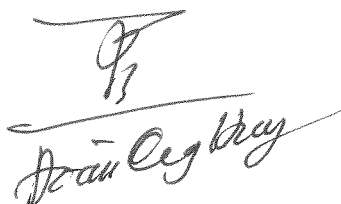
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

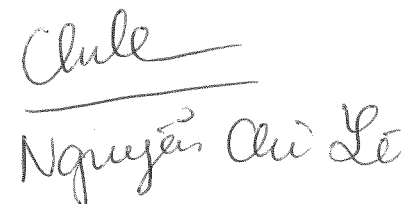
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trương Khoa

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chí Lê

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	Người cập nhật
	Doãn Thị Lan Anh
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: **Thạc sỹ YHCT**; Mã số đào tạo:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: **Ngoại ngữ/Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: **03**
- Đối tượng học: **Năm thứ Nhất - Thạc sỹ YHCT**
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thi tuyển đầu vào bằng tiếng Trung trình độ HSK 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 20 tiết
- * Thực hành: 25 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thừa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Mức độ
MT1	Vận dụng được các cấu trúc tiếng Trung, vốn từ vựng phổ thông và thuật ngữ chuyên ngành Y học cổ truyền.		
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CĐR)

Mục tiêu	CĐR của HP	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT1 Kiến thức	CĐR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học cổ truyền bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học bằng tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	
	CĐR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	
	CĐR3	Ngữ pháp: - Nhận biết về cách sử dụng động từ, tính từ, giới từ, liên từ, kết cấu cố định. - Nhận biết các cấu trúc câu trong đọc, viết.	
	CĐR4	Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp: - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành y khoa, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành y khoa. - Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử Trung Quốc và những tài liệu chuyên môn ngắn liên quan đến Y học cổ truyền.	
MT2 Kỹ năng	CĐR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề bệnh tật trong chuyên ngành y học cổ truyền tại các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế.	
	CĐR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	
	CĐR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y khoa.	
	CĐR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	

MT3	CĐR9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu	√		√	√	√	√			√
第二课: 针刺疗法 Bài 2: Điều trị bằng châm cứu	√		√	√		√	√	√	√
第三课: 推拿 Bài 3: Xoa bóp	√		√	√	√	√			√
第四课: 甘草的传说 Bài 4: Truyền thuyết cam thảo	√		√	√	√	√			√
第五课: 人参 Bài 5: Nhân sâm	√		√	√	√	√	√		√
第六课: 中医学的基本特点 Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học	√	√	√	√	√	√	√	√	√
第七课: 阴阳学说 Bài 7: Học thuyết âm dương	√		√	√		√	√	√	√
第八课: 复习	√		√	√	√	√			√

6. Mô tả học phần

- Học phần Tiếng Trung chuyên ngành (TTCN) được xây dựng với 07 đơn vị bài học. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Trung trong lĩnh vực y học cổ truyền như Trong từng bài học có những phần chính gồm Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành...

- Mục đích của học phần TTCN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TTCN này giúp phát triển sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung. Học phần TTCN rèn luyện các kỹ năng và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, mô tả và xác định nguyên nhân gây bệnh bằng kiến thức y dược học cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	TH	BT/TL	Tổng		
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu 一、生词: 35 个生词; 3 个专名 二、课文: 《针灸》 三、词语用法举例: 1、包括; 2、为...所...; 3、对于; 4、通过; 5、一定 四、注释: 1、为...所...; 2、对于; 3、通过; 4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献 五、练习	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第二课: 针刺疗法 Bài 2: Điều trị bằng châm cứu 一、生词: 36 个生词 二、课文: 《针刺疗法》 三、词语用法举例: 1、适当; 2、不断; 3、根据; 4、用来.....; 5、.....,再..... 四、注释: 1、不断 2、根据; 3、..... 用来..... 五、练习	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第三课: 推拿 Bài 3: Xoa bóp	6	5	4	15	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc

<p>一、生词：35 个生词</p> <p>二、课文：《推拿》</p> <p>三、词语用法举例：1、称；2、必须；3、既.....又（也）.....；4、对.....来说</p> <p>四、注释：1、称；2、既.....又（也）.....；3、对.....来说</p> <p>五、练习</p>						<p>nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第四课：甘草的传说</p> <p>Bài 4: Truyền thuyết cam thảo</p> <p>一、生词：36 个生词</p> <p>二、课文：《甘草的传说》</p> <p>三、词语用法举例：1、偶然；2、照常；3、临；4、甚至；5、等</p> <p>四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后.....；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第五课：人参</p> <p>Bài 5: Nhân sâm</p> <p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不能满足需要；3、促使</p> <p>五、练习</p>	6	5	4	15	18	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第六课：中医学的基本特点</p> <p>Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</p> <p>一、生词：37 个生词</p> <p>二、课文：《人参》</p> <p>三、词语用法举例：1、愈....愈....；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使</p> <p>四、注释：1、愈....愈....；2、远远不</p>						

能满足需要; 3、促使 五、练习						
第七课: 阴阳学说 Bài 7: Học thuyết âm dương						
第八课: 复习						

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编, *中医汉语 (下)*, 北京语言文化大学出版社, 1999 年
- [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
- [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.
- [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.
- [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
- [5]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.
- [6]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	3		2	2		7.5
2	3		2	2		7.5
3	2		2	2		7.5

4	3		1	2		7.5
5	3		1	2		7.5
6	2		2	2		7.5
7	3		2	2		7.5
8	3		2	2		7.5
9	3		1	2		7.5
10	3		1	2		7.5
11	2		2	2		7.5
12	0		2	3		7.5
Tổng	30		20	25		90

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ
Học dựa trên vấn đề Hoạt động nhóm Đóng vai
Học dựa vào dự án Mô phỏng Nghiên cứu tình huống
Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

11. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.

- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.

- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:

+ Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.

+ Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.

- Về việc điểm danh sinh viên:

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định Học viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %. Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

12.2.1. Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thảo luận nhóm

Bài tập lớn

Thực hành

Khác

12.2.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số 100 %

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

Vấn đáp

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	- Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CĐR1 đến CĐR9

12.3. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

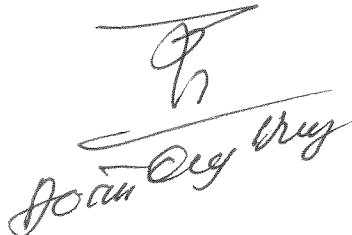
12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đoàn Quý Trung

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Chi Lê

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
TIN HỌC ỨNG DỤNG**

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

*Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics

- Mã Học phần/ Môn học: 341103

- Số tin chi: 2TC(0,5LT/1,5TH)

+ Lý thuyết: 7.5 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học: Thạc sĩ

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
Bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tin học đại cương và ứng dụng

+ Học phần học trước: Tin học đại cương và ứng dụng

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com

3	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Tìm hiểu hệ thống mạng LAN và Internet(Nâng cao).
MT HP2	Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê. Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
MT HP3	Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	2		
MT HP2	3		
MT HP3			2

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
-------------	-----------------------

CLO1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm tài liệu tham khảo trên Google nâng cao, các trang web chuyên dụng trong và ngoài nước, chương trình trình chiếu Power Point.
CLO2	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google(Google drive, Google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê.
CLO3	Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
CLO4	Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1		2						
CLO 2		3						
CLO 3		3		2				
CLO 4							2	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng giảng dạy lý thuyết có đầy đủ các thiết bị như: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy tính, máy chiếu, loa, mic, kết nối Internet.

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Phòng thực hành Tin học 405
2.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22

	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	1.5/0/3		CLO1			
Buổi 1 (1.5tiết)	1. Hệ thống mạng LAN	0.5	- Học viên vận dụng kiến thức nâng cao để chia sẻ và sử dụng tài nguyên trên hệ thống mạng LAN và Internet		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1: trang3-29 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2/0/4		CLO1			
Buổi 1 (2tiết)	1. Các loại OPACs.	1	Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y, được		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1: trang 31-40 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí						
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	4/0/8		CLO1			
Buổi 1 (4 tiết)	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1	Mô tả được các tính năng nâng cao của chương trình Power Point: thanh công		1. Thuyết trình 2. Động não	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên	Không
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio						

	3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1	cụ, hộp Ribbon, Slide, chèn, hiệu ứng, hiệu ứng đặc biệt...		3. Giải quyết vấn đề	CK1: , trang 41-61 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	
	4. Hiệu ứng Slide	1					
	5. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	10/0/10		CLO2				
Buổi 1 (4 tiết)	1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	5	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến		- Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	1. Đọc giáo trình Tin học UD, trang 3-29 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách Bài tập tự lượng giá: bài tập 1,2 3. Nghe, trả lời	Không
Buổi 2 (2 tiết)	2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google	5	Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính					
Buổi 3 (2 tiết)	3. google - Tìm kiếm trên Google: Book, Scholar, Pubmed,...							

	- Một số ứng dụng văn phòng trên Google (Google drive, google translate, google form.....)		năng chuyên sâu của Google .		mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA		4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	12/0/12		CLO2				
Buổi 3 (2 tiết)	1. Các loại OPACs.	2	Học viên tìm kiếm dowload		Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV	1. Thuyết trình	1.Đọc giáo trình Tin học UD, trang 31-40.	Không
Buổi 4 (4 tiết)	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	4	được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu trực tuyến chuyên ngành y, được			2. Làm mẫu	2. Chuẩn bị các bài tập TH	
Buổi 5 (4 tiết)	3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y được học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	4				3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	theo yêu cầu trong sách Bài tập tự lượng giá: trang 40 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	
Buổi 6 (2 tiết)	Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	2						
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	23/0/23		CLO3				
Buổi 7 (4 tiết)	Giới thiệu và những thiết lập nâng cao - Màn hình khởi động	4	- Sử dụng các thao tác nâng		Máy tính: + 61 MT China Core	1. Thuyết trình	1.Đọc giáo trình Tin học	Không

	- Lựa chọn Slide Size cho Presentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon		cao của PowerPoint. - Biết các tính năng tạo hiệu ứng nâng cao bài thuyết trình theo các mẫu được định dạng sẵn - Hiệu trình được bài thuyết trình, tạo các hiệu ứng văn bản	13 CMS, màn hình 22, - Bảng trong tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV	2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đề	UD, trang 41-61 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách Bài tập tự lượng giá: trang 61 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.
Buổi 8 (4 tiết)	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	4				
Buổi 9 (4 tiết)	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt Sử dụng hình vẽ	2 2				
Buổi 10 (4 tiết)	Sử dụng Slide Master	2	thuyết trình theo đúng các thao			
Buổi 11 (4 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	6	- Thao tác được các cách trình chiếu bài thuyết trình			
Buổi 12 (2 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide		- Thực hiện các hiệu chỉnh văn bản, kiểm tra văn bản trước khi in.			
Buổi 13 (3 tiết)	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	3				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	30%	Báo cáo tiểu luận	Báo cáo qua PowerPoint			CLO1,2,3,4	Đưa ra các chủ đề khác nhau, chia nhóm, bốc thăm theo chủ đề, phân công thành viên trong nhóm, báo cáo trực tiếp tại phòng thực tập Tin học.
Thực hành	70%	Điểm thi thực hành	Thi trực tiếp trên máy tính			CLO1,2,3,4	Thi thực hành trực tiếp trên máy tính tại phòng thực tập Tin học. Mỗi học viên một đề khác nhau. Bộ môn sẽ phân công 02 cán bộ trông thi, các giảng viên chấm bài thi trực tiếp. Kết quả thi sẽ được công khai luôn ngay sau mỗi buổi thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

$$\text{Điểm học phần} = \text{điểm lý thuyết} * 30\% + \text{điểm thực hành} * 70\%$$

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

11. Hướng dẫn thực hiện

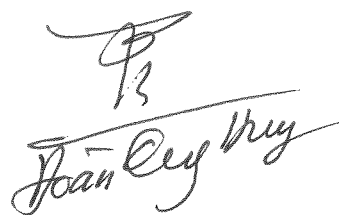
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



TM BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuyết

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:

Ngày/tháng/năm.

Người cập nhật



Bùi Thị Lan Anh

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
--	-----------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN**

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ Y học cổ truyền

Mã số đào tạo:

Năm thứ:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Tác phẩm kinh điển (*Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh*)

* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học

- Số tín chỉ: 4

- Đối tượng học: Thạc sĩ Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết

+ Lý thuyết: 60 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Cao học năm thứ nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: không

+ Học phần học trước: không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý YHCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Trần Thị Hồng Ngã	0915009672	Ngaidytw72@yahoo.com
2	Trương Việt Bình	0369688688	
3	Vũ Nam	0978163646	
4	Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
5	Nguyễn Duy Tuấn	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1,2	Kiến thức: - Nhận thức đúng về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh - Trình bày đúng và sâu sắc về Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT
MT3,4	Kỹ năng : - Tổng hợp và phân tích đúng về Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT - Vận dụng tốt các Học thuyết và Y huấn cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân - Vận dụng tốt kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền
MT5,6	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : - Thể hiện tốt thái độ, trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp và đạo

CLO3	3	3	3	3	3															
CLO4	3	3	3	3	3															
CLO5	3	3	3	3	3															
CLO6	3	3	3	3	3															

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy chiếu, loa, mic, phấn bảng

6.1.2. Lâm sàng:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Máy tính

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học tập, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là “Tứ đại kinh điển”, gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất. Có sớm nhất nói về y học. "Hoàng đế nội kinh" đã luận thuật một cách tung đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ

truyền. "Hoàng đế nội kinh" đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong "Hoàng đế nội kinh" vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. "Hoàng đế nội kinh" là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Thương hàn tạp bệnh luận” bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong điều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là “Kim quỹ” hoặc “Ngọc hàm”.

Vì vậy Hàn thư cao kỹ như hầu nói: “Kim quỹ do kim đằng dã” giải thích rằng lấy vàng làm hàm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của sách Trọng cảnh. “Kim quỹ” và “Ngọc hàm” là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sắc...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHD và YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách “nội kinh”.	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chẩn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tắc trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	

	MT 4	Nắm vững triệu chứng của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chứng của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
Kim quỹ yếu lược	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành “Kim quỹ yếu lược”.	
	MT 2	Nắm vững Nguyên tắc điều trị biểu lý đông bệnh trong kinh văn “ <i>Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao?</i> <i>Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ia chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu.</i> ”	
	MT 3	Nắm vững Nguyên tắc điều trị cũ mới đông bệnh trong kinh văn: “ <i>Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau.</i> ”	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: “ <i>Tứ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gây yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt ãoản khí, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị.</i> ”	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Nắm vững Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn đoán phân biệt phế nuy trong kinh văn: “ <i>Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sắc, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sắc, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mù. Mạch sắc hư, là phế nuy, ác thực là phế ung.</i> ”	
	MT 7	Nắm vững Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn: “ <i>Bệnh khái nghịch, bất mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mù, nôn ra máu mù ất chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vì mà mạch sắc, vì là do phong, sắc là do nhiệt; vì ất ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tẩu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng),</i>	

		<i>sắc ất sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổn thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ất gây ho, miệng khô sưng mãn (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọc mủ, nôn ra đờm mủ đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mủ thì chết!”</i>	
	MT8	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí đoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì, mạch bộ quan thượng tiểu khẩn sắc, phương dùng qua lâu giới bạch bạch tửu thang chủ trị.</i> ”	
	MT9	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lí điều trị đàm âm trong kinh văn: “ <i>Bệnh đàm âm, phải dùng ôn dược để hòa</i> ”	
	MT10	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Người bệnh chi âm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xám, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép thở, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bĩ thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khứ thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị.</i> ”	
Ôn bệnh	MT 1	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thế nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	MT 2	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	MT 3	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	MT 4	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	MT 5	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	MT 6	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương	

		đờm kinh trong Xuân Ôn	
	MT 7	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	MT 8	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lãn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	MT 9	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	MT 10	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khí sắp thoát trong thử ôn	

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng

				<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man 	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên 	

				<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	--	---	--	--	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nội kinh, Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam, Nhà Xuất bản Y học.

- Thương hàn luận, Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam, Nhà Xuất bản Y học.

- Kim Quỹ Yếu Lược, Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam, Nhà Xuất bản Y học.

- Ôn bệnh, Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam, Nhà Xuất bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

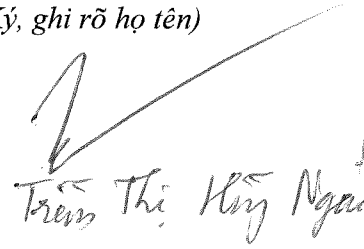
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hằng Ngọc

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Thạc sĩ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Việt: Phương pháp giảng dạy đại học
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học: 141205
- Số tín chỉ: 02LT/01.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết LT/30 tiết TH
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 180 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định: Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Thạc sĩ năm 2

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>
--	---

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Tiến sỹ. Trần Quang Minh		
3	Tiến sỹ. Nguyễn Thị Kim Ngân		
4	Tiến sỹ. Đinh Thị Hồng Minh		
	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Lựa chọn được 07 phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp bài giảng
MT HP2	Vận dụng Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề trong giảng dạy lý thuyết và thực hành trong quá trình hành nghề
MT HP3	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu

MT HP4	Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng
MT HP5	Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3
MT HP4			3
MT HP5			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modul (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Lựa chọn được một trong 07 phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp bài giảng
CLO2	Vận dụng Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề trong 01 giảng dạy lý thuyết và thực hành trong quá trình hành nghề
CLO3	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu cho 01 bài giảng
CLO4	Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch 01 bài giảng
CLO5	Thực hành viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử 01 bài

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1				3				
CLO 2				3				
CLO 3				3				
CLO 4				3				
CLO 5				3				

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- 6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc
- 6.1.2. Lâm sàng:
- 6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với

chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
----------------------------------	--	-------------------------------	---	---	----------------------------	----------------------------------	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4	Lựa chọn được một trong 07 phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp bài giảng	1	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4	Vận dụng Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4	Vận dụng Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Xây dựng và phát triển chương	6	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục	3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải	Hoạt động nhóm	

trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu		tiêu cho 01 bài giảng		quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Động não Học dựa trên vấn đề	
Thiết kế kế hoạch bài giảng	4	Thiết kế 01 kế hoạch bài giảng	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	2	thực hiện hỗ trợ học tập	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ	4	Xây dựng câu hỏi lượng giá	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục	Hoạt động nhóm Động não	

	năng và thái độ				tiêu, thuyết trình ngắn	Học dựa trên vấn đề	
	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	2	xác định được công cụ hỗ trợ giảng dạy	5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Thực hành viết mục tiêu bài giảng	15		5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử	15		5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu trong 1 tiêu chí không đạt
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày			nhiều lỗi chính tả, trình bày	

		rõ ràng, sạch			không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu giảng dạy	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Phương pháp giảng dạy, lượng giá	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Thời gian phân chi phù hợp	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định nội dung giảng và mục tiêu bài giảng	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (lý thuyết)	66.7%	Điểm tiểu luận	Kế hoạch bài giảng và giảng thử	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành 01 kế hoạch bài giảng đầy đủ theo yêu cầu
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (Thực hành)	33.3%	Điểm giảng thử	giảng thử	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành giảng thử bài giảng đầy đủ theo yêu cầu

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1
Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.5 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Phạm Thị Minh Đức (2016), *Sư phạm y học thực hành*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Thị Minh Đức (2016), *Sư phạm y học thực hành*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016
- (2) Đại học Y Hà Nội (2004), *Dạy học tích cực trong đào tạo y học*
- (3) Đại học Y Thái Bình (2010), *Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.*
- (4) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), *Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.*
- (5) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), *Bài giảng Giáo dục học đại học.*
- (6) Bộ Y tế (2010). *Phương pháp giảng dạy Y-Dược học*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (thực hành/lâm sàng)

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Thạc sỹ, Mã số đào tạo: 62726001

1. Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Phương pháp giảng dạy đại học
- Mã Học phần:
- Số tín chỉ thực hành/lâm sàng: 1
- Đối tượng học: Đào tạo Bác sĩ nội trú
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và văn luận <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: không bắt buộc

1. Mô tả học phần (Phần thực hành/lâm sàng):

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

2. Nguồn học liệu

Tài liệu chính:

Giáo trình Phương Pháp giảng dạy đại học (tài liệu lưu hành nội bộ).

Tài liệu tham khảo:

- (1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016
- (2) Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học
- (3) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(4) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(5) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(6) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

Mục tiêu học phần (Phần thực hành/lâm sàng)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
MT1	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	2.6;3.a
MT2	Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng	2.6;3.a
MT3	Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử	2.6;3.a

3. Đánh giá học phần (Phần thực hành/lâm sàng)

Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử

4. Nội dung chi tiết phần thực hành/ lâm sàng

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với học viên
Thực hành viết mục tiêu bài giảng	15		
Thực hành viết kế hoạch bài giảng và giảng thử	15		

5. Quy định của học phần (Phần thực hành/lâm sàng)

Sau 30 tiết thực hành học viên hoàn thành 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử

6. Phụ trách học phần (Phần thực hành/lâm sàng): Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Lưu Minh Châu

- Tele: 0904159777

- Email: minhchauytdp@gmail.com

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Thạc sỹ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 1

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- * Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- * Tiếng Anh: Medical Research Methodology
- Mã học phần/ mô đun: 141206
- Số tín chỉ: 02LT/01.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết LT/30 tiết TH
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 180 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo Thạc sỹ năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Tiến sỹ. Trần Quang Minh		
3	Tiến sỹ. Nguyễn Ngọc Quỳnh		
4	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	<u>binhytcc2012@gmail.com</u>

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiến thức
MT HP1	- Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu phù hợp
MT HP2	- Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp
MT HP3	- Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.
MT HP4	- Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học - Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.
MT HP5	- Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1			3
MT HP2			3
MT HP3			3

MT HP4			3
MT HP5			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Lựa chọn được 01 vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu phù hợp 01 đề tài nghiên cứu
CLO2	- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp
CLO3	- Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, khống chế sai số của 01 đề tài
CLO4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.
CLO5	- Thể hiện được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1				3				
CLO 2				3				
CLO 3				3				
CLO 4				3				
CLO 5				3				

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mic

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4	- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài	1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	8		1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

	Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4	xác định cỡ mẫu phù hợp	1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiều trong nghiên cứu khoa học Y học và cách không chế	4	xác định sai số và không chế phù hợp	3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Công cụ thu thập thông tin	4	Hoàn thành bộ công cụ thu thập thông tin	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Hướng dẫn viết đề	4	Hoàn thành 01 đề	4,5	Phương pháp	Hoạt động nhóm	

	ương nghiên cứu		ương nghiên cứu		giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Động não Học dựa trên vấn đề	
	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học	4	Xác định được yêu cầu của bài coogn bố khoa học	4,5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độc lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày			nhiều lỗi chính tả, trình bày	

		rõ ràng, sạch			không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân tổng quan	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Dự kiến kết quả, bàn luận, kết luận, kế hoạch	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

nghiên cứu, phụ lục						
---------------------	--	--	--	--	--	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (lý thuyết)	66,7%	Điểm tiểu luận	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành 01 đề cương nghiên cứu đầy đủ theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu khoa học Y học

Điểm thi kết thúc học phần/mô đơn (Thực hành	33,3%	Điểm slides báo cáo	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành 01 báo cáo Slides đề cương nghiên cứu đầy đủ theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu khoa học Y học
--	-------	------------------------	--	------	---	-----------	---

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.5 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ), năm 2022

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), “ Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.

2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội

3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học

4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học

5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thông kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. *Lưu Minh Châu*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
--	------------------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo học viên Thạc sĩ Y học cổ truyền

Mã số đào tạo:

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Quản lý nhà nước về y tế
- * Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về y tế
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: 01LT/01TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết LT/30 tiết TH
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 105 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo học viên Thạc sĩ Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy		
3	PGS. TS. Phạm Quốc Bình		
4	PGS.TS. Phạm Vũ Khánh		
5	Ths. Trương Thị Minh Trang	0916359842	
	Mời giảng		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu đại cương về quản lý nhà nước về y tế

MT HP2	Trình bày và phân tích được về hệ thống chính trị nhà nước; Nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
MT HP3	Phân tích được các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các Luật liên quan đến quá trình hành nghề
MT HP4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
MT HP5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	3	3	3
MT HP4	3	3	3
MT HP5	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Xác định được vai trò Quản lý nhà nước về y tế theo pháp luật
CLO2	Phân tích và Vận dụng nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam

CLO3	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
CLO4	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S
CLO5	Vận dụng các Bộ luật liên quan hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1	3						3	
CLO 2	3						3	
CLO 3	3						3	
CLO 4	3						3	
CLO 5	3						3	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải đạt điểm trung bình môn học đạt 5,5/10 trở lên

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức; Kỹ năng quản lý bệnh viện và vận dụng các Luật trong quá trình hành nghề, các văn bản quản lý Nhà nước về Y tế; các xây dựng kế hoạch hoạt động y tế, sắp xếp đơn vị theo tiêu chuẩn 5S.

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/K T/Tự học)	CDR của bài học (chương) /chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về quản lý nhà nước; Các văn bản quy phạm pháp Luật trong quản lý nhà nước về Y học cổ truyền và Chiến lược phát triển Y học cổ truyền	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Giới thiệu Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Giới thiệu về Luật Khám chữa bệnh	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích	Hoạt động nhóm	

					cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế	3		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Đánh giá	
		Đạt				Không đạt
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độ lặp	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không

Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra	Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	đạt điều kiện thi kết thúc học phần
--	-------------	---	--	-------------------------------------

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu Tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đạt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Các nội dung cân đối, phù hợp mục tiêu	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Thông tin phân tích có nguồn gốc	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	Bài tập	Thảo luận xác định nội dung báo cáo	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Báo cáo theo chuyên đề	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành báo cáo theo chuyên đề

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Quản lý nhà nước về y tế (tài liệu lưu hành nội bộ).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2014). Tài liệu đào tạo liên tục quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016), *Các thực hành tốt quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số bệnh viện Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội 2016
3. Bộ Y tế (2014), *Quản lý nhà nước về Y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Quản lý 5S trong y tế.
5. Bộ Y tế (2016), *Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


TS. Lưu Minh Châu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:

Ngày/tháng/năm.

Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: HỒI SỨC CẤP CỨU

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
- * Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã học phần/ mô đun: 141307
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..166 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học: 197 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ HSCC & Chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com
3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhstc@gmail.com
5.	TS Chu Dũng Sĩ	0906086168	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

CLO1					3	3		
CLO2					3	3		
CLO3					3	3		
CLO4					3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

.8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	4/0/8	Nắm được các nguyên lý cơ bản HSCC	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Con tăng huyết áp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Con tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3/0/6	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và xử trí đau ngực				
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	4/0/8	Nắm được phương pháp điều chỉnh	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ	

			nước và điện giải trong cơ thể					
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	4/0/8	Năm được Chẩn đoán và xử trí hôn mê	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	Giai quyết vấn đề	- trả lời
6.	Ngộ độc cấp	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Ngộ độc cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
7.	Phù phổi cấp	3/0/6	Năm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Phù phổi cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
8.	Ngừng tuần hoàn	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Ngừng tuần hoàn lưng	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		

9.	Suy hô hấp cấp	2/0/4	Nắm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Đau thần kinh hông to	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Chẩn đoán, nguyên tác và biện pháp xử trí sóc	4/0/8	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy hô hấp cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Kiểm tra 1 tiết	1					
12.	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Khó thở cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình	Đánh giá cho

				đoán và hướng xử Khó thở cấp	CLO3 CLO4	viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	điểm bài
2.	Đau ngực cấp ở người lớn	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử Đau ngực cấp ở người lớn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
3.	Rối loạn ý thức và hôn mê	8/0/0/8	Nhận định được bệnh nhân Rối loạn ý thức và hôn mê và hướng xử trí..	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
4.	Xử trí tăng kali máu/ suy thận	8/0/0/8	Nắm được nguyên tắc và phương pháp Xử trí tăng kali máu/ suy thận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài	

					111/2017/N Đ-CP)	5. Mô phỏng	slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
5.	Điện giải và khí máu	8/0/0/8	Nhận định và nắm được ý nghĩa xét nghiệm Điện giải và khí máu, nhận định trường hợp bệnh lý và hướng xử trí	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
6.	Đau bụng cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán, xử trí Đau bụng cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
7.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Rối loạn nhịp tim và huyết động	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

8.	Xuất huyết tiêu hóa	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Xuất huyết tiêu hóa	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
9.	Ngộ độc cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Ngộ độc cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
10.	Hôn mê tăng ALTT	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Hôn mê tăng ALTT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
11.	Hôn mê tăng ALTT	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Hôn mê tăng ALTT	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

				CLO4	hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
12.	Xuất huyết não	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Xuất huyết não	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
13.	Nhồi máu não	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Nhồi máu não	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
14.	Sốc nhiễm khuẩn	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Sốc nhiễm khuẩn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện	Đánh giá cho điểm bài

	Hôn mê hạ đường huyết	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Hôn mê hạ đường huyết	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
15.	Hôn mê hạ đường huyết	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Hôn mê hạ đường huyết	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
16.	Con tăng huyết áp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Con tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
17.	Phù phổi cấp	7/0/0/7	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Phù phổi cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
Thi hết thực hành/lâm sàng:								4	KTTT

Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

9. Phương pháp đánh giá học phân

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm tổng kết phần lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính: Giáo trình học tập:

1. Tài liệu phát tay

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hồi sức cấp cứu (2009) , Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

2. Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đỉnh và cộng sự, nhà xuất bản y học.

3. Hồi sức cấp cứu (2002) , Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

4. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).

5. Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập

6. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

7. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

8. Bệnh nội tiết chuyên hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

10. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

11. Bệnh hô hấp(2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: NỘI TỔNG HỢP**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nội tổng hợp
- * Tiếng Anh: General Internal Medicine
- Mã học phần/ mô đun: 141308
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 166 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học: 197 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ ngành YHCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
					<input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths. Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com

5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	PGS. Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	twyenht@gmail.com
8.	TS.Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
9.	TS.Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
10.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		3	
MT2		3	
MT3		3	

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1			3		□	3		
CLO2			3		□	3		
CLO3			3		□	3		
....								

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- - Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.**8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Suy tim cấp, mạn	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy tim cấp, mạn	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực – Nhồi	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

4.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	2/0/4	máu cơ tim Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
5.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
6.	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
7.	Điều trị loét dạ dày, tá tràng	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Điều trị loét dạ dày, tá tràng	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
8.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận	2/0/4	Năm được Cập nhật chẩn đoán	CLO1 CLO2	Thuyết trình.	Nghe, ghi chép, đặt câu	

	mạn tính		và điều trị COPD	CLO3	Động não Giải quyết vấn đề	hỏi, suy nghĩ - trả lời	
9.	Nhiễm khuẩn tiết niệu	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Hội chứng cổ - vai – cánh tay	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Hội chứng cổ - vai – cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Đau cột sống thắt lưng và thân kinh tọa	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Đau cột sống thắt lưng và thân kinh tọa	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
12.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

13.	Basedow			đái tháo đường Nằm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Basedow	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
14.	Leucemie kinh dòng hạt		2/0/4	Nằm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Leucemie kinh dòng hạt	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
15.	Suy tủy xương		2/0/4	Nằm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy tủy xương	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
16.	Kiểm tra 1 tiết		1/0/2					
17.	Thi kết thúc học phần		0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
3.	Chẩn đoán và điều trị Suy tim	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm	Đánh giá cho điểm bài

					NĐ 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
4.	Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
5.	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hen phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
6.	Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm phổi	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

7.	Chẩn đoán và điều trị Viêm phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
8.	Chẩn đoán và điều trị Tràn dịch màng phổi.	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Viêm phổi Tràn dịch màng phổi	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
9.	Chẩn đoán và điều trị Xơ gan	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Xơ gan	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
10.	Chẩn đoán và điều trị Viêm gan	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm gan	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

				CLO3	viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	điểm bài
11.	Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị trị Xuất huyết tiêu hóa	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
12.	Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Loét dạ dày tá tràng	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
13.	Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh thận mạn	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài

						111/2017/N Đ-CP)	5. Mô phỏng	slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
14.	Chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu/ Sỏi tiết niệu	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
15.	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng thận hư	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hội chứng thận hư	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
16.	Chẩn đoán và điều trị Viêm cầu thận	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm cầu thận	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	

17.	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Thoái hóa khớp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
18.	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
19.	Chẩn đoán và điều trị Viêm cột sống dính khớp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm cột sống dính khớp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
20.	Chẩn đoán và điều trị gút	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị gút	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

21.	Chẩn đoán và điều trị hội chứng cổ - vai - cánh tay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị hội chứng cổ - vai - cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3		hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
22.	Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đái tháo đường	CLO1 CLO2 CLO3		hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	đề 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
23.	Chẩn đoán và điều trị Basedow	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Basedow	CLO1 CLO2 CLO3		hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	đề 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện	Đánh giá cho điểm bài			

24.	Khám chẩn đoán Bn HC Cushing		Thực hiện được chẩn đoán, điều trị HC Cushing		CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
25.	Chẩn đoán và điều trị Thiếu máu	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Thiếu máu		CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
26.	Bình bệnh án Đái tháo đường	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị Đái tháo đường		CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
27.	Bình bệnh án suy tim	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán,		CLO1	(đạt)	1. Thuyết trình	1. Tiến hành	Đánh			

				điều trị suy tim	CLO2 CLO3	chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	giá cho điểm bài
28.	Bệnh bệnh án tăng huyết áp	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
29.	Bệnh bệnh án hen phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị hen phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
30.	Bệnh bệnh án COPD	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị COPD	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm	Đánh giá cho điểm bài	

	Bệnh bệnh án xơ gan		Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị xơ gan	CLO1 CLO2 CLO3	<p>ND 111/2017/N Đ-CP)</p> <p>(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)</p>	<p>4. Thảo luận</p> <p>5. Mô phỏng</p>	<p>2. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>3. Thảo luận</p>	Đánh giá cho điểm bài
31.		4/0/0/4				<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p> <p>4. Thảo luận</p> <p>5. Mô phỏng</p>	<p>1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>2. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>3. Thảo luận</p>	Đánh giá cho điểm bài
32.	Bệnh bệnh án bệnh thận mạn	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị bệnh thận mạn	CLO1 CLO2 CLO3	<p>ND 111/2017/N Đ-CP)</p> <p>(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p> <p>4. Thảo luận</p> <p>5. Mô phỏng</p>	<p>1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>2. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>3. Thảo luận</p>	Đánh giá cho điểm bài
33.	Bệnh bệnh án gút	3/0/0/3	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị bệnh gút	CLO1 CLO2 CLO3	<p>ND 111/2017/N Đ-CP)</p> <p>(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p> <p>4. Thảo luận</p> <p>5. Mô phỏng</p>	<p>1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>2. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>3. Thảo luận</p>	Đánh giá cho điểm bài

34.	Bệnh án thóa hóa cột sống	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị thóa hóa cột sống	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phần biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.								KITH

9. Phương pháp đánh giá học phân

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO1 CLO2 CLO3	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
6. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
7. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	Người cập nhật
-----------------------------------	----------------

<i>Ngày/tháng/năm.</i>	
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Trình độ đào tạo: Tự chọn Sau Đại học, Ngành: YHCT. Mã số đào tạo: MEDI

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 2LT/3TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): đang học chương trình bác sĩ YHCT.

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: khoa Y học lâm sàng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Bộ môn	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	PHCN	huychinhnguyenvinh@gmail.com
2	TS. Nguyễn Hoài Nam	0904247028	PHCN ĐHY HN	
3	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	PHCN	bsthuyhoa@gmail.com
4	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	PHCN	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
Kiến thức	
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
MT 6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1		2				
MT2		2				
MT3		2				
MT4		2				
MT 5		2				
MT 6		2				
MT7		2				

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
CLO2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
CLO3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
CLO4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
CLO5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
CLO6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý

CLO7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.
------	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO 1		X													
CLO 2		X													
CLO 3		X													
CLO 4		X													
CLO 5		X													
CLO 6		X													
CLO7		X													

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Máy chiếu, loa, mic.

6.1.2. Lâm sàng:

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định

111/2017/NĐ- CP)

- Bệnh viện PHCN Hà Nội (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định

111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Thước đo tầm vận động
2	Máy siêu âm trị liệu
3	Máy kéo giãn
4	Máy điện xung
5	Đèn hồng ngoại
6	Thanh song song
7	Khung tập đi
8	Đèn tử ngoại
9	Máy sóng ngắn

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

- Học viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp sinh viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	04	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	CLO1	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
2	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay	04	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên	CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi	Nghe giảng, Trả lời câu	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay

	người tàn tật		ngành Phục hồi chức năng		Động não	hỏi, Thảo luận	người tàn tật
3	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO2 CLO5	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
4	Vận động trị liệu HDTL Các phương thức PHCN	04	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	CLO3	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Vận động trị liệu HDTL Các phương thức PHCN
5	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não

			<p>nhân trên thực tiễn lâm sàng.</p> <p>- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý</p>				
6	<p>PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm</p> <p>PHCN BN Đau lưng</p> <p>PHCN cho trẻ bị bại não</p>	04	<p>- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng</p> <p>- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.</p> <p>- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý</p>	CLO3 CLO5 CLO6	<p>Thuyết trình</p> <p>Đặt câu hỏi</p> <p>Động não</p>	<p>Nghe giảng,</p> <p>Trả lời câu hỏi,</p> <p>Thảo luận</p>	<p>PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm</p> <p>PHCN BN Đau lưng</p> <p>PHCN cho trẻ bị bại não</p>
7	<p>PHCN tổn thương tủy sống</p>	04	<p>- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng</p> <p>- Ứng dụng được các kiến thức đã học để</p>	CLO3 CLO5 CLO6	<p>Thuyết trình</p> <p>Đặt câu hỏi</p> <p>Động não</p>	<p>Nghe giảng,</p> <p>Trả lời câu hỏi,</p> <p>Thảo luận</p>	<p>PHCN tổn thương tủy sống</p>

			đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý				
8	Giải đáp thắc mắc	02	- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO5	Đặt câu hỏi Trả lời câu hỏi Động não	Đặt câu hỏi, thảo luận.	Giải đáp thắc mắc

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của HV: Xác định các nội dung HV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/L S/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lq ua n đế n C L O nà o ở bả ng 5.1	Tran g thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1,2	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	03TH	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	CL O1		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
3,4	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	08(5TH,3TL)	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	CL O2	1	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật
5,6	Các thương	04TH	- Khám, lượng giá	CL O2	1	Cầm tay chỉ việc	Lắng nghe	Các thương

	tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật		được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CL O5		PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
7,8	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	06(4TH, 2TL)	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	CL O3	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN
9	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch	08(4TH, 4TL)	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh	CL O3 CL O5 CL O6	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não

	máu não.		<p>giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.</p> <p>- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý</p>					
10, 11, 12	<p>PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não</p>	04TH	<p>- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng</p> <p>- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.</p> <p>- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý</p>	<p>CL O3 CL O5 CL O6</p>	2-7	<p>Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh</p>	<p>Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.</p>	<p>PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não</p>
13	<p>PHCN Tôn thương tủy sống</p>	07(2 TH, 2 BT, 2T	<p>Khám, lượng giá lên kế hoạch PHCN</p>	<p>CL O3 CL O5</p>	2-7	<p>Giám sát</p>	<p>Hỏi bệnh, thăm khám, đưa ra pp PHCN</p>	

		L, 1 tự học)		CL O6				
14, 15	Bóc bệnh án + Hỏi thi lâm sàng	04KT	Khám, lượng giá lên kế hoạch PHCN	CL O3 CL O5 CL O6	2-7	Hỏi thi	Trả lời, thực hành thăm khám, lượng giá, đưa ra pp PHCN trên bệnh nhân, bệnh án thi	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.2.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Bệnh án	40%-60%		CLO1 - CL07	Học viên bóc bệnh án và làm bệnh án thi sau đó giảng viên hỏi thi trên bệnh án Học viên làm
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/Báo cáo tiểu luận...	Viết tiểu luận	100%		CLO1 - CL07	Học viên Viết tiểu luận

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Bài thực hành	2 bệnh án	Bệnh án điều kiện	CLO1-CLO7
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	50 %	Bệnh án+ hỏi thi	CLO1-CLO7
3	Điểm thi lý thuyết			
	Viết tiểu luận	50 %	Học viên qua môn: đạt từ 5/10 điểm	CLO1-CLO7

9.4. Điểm học phần/ mô đun (*Lý thuyết + thực hành*)/2

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

[2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.

[3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội

[4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam

[6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho Học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN



Nguyễn Vinh Huy Chính

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Thạc sĩ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 1

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Ung thư
- * Tiếng Việt: Ung thư
- * Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun: 141310
- Số tín chỉ: 03 LT/02 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết LT/ 90 tiết TH
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 90 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 80 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo Thạc sĩ năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
- + Học phần học trước (đã học):
- + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiến thức
MT HP 1	Điều trị giảm đau
MT HP 2	Ung thư vòm
MT HP 3	Ung thư phổi
MT HP 4	Ung thư dạ dày
MT HP 5	Ung thư đại tràng
MT HP 6	Ung thư vú
MT HP 7	U lympho ác tính không Hodgkin
MT HP 8	Ung thư gan nguyên phát
MT HP 9	Ung thư biểu mô buồng trứng
MT HP 10	Ung thư cổ tử cung

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP 1			3
MT HP 2			3
MT HP 3			3
MT HP 4			3
MT HP 5			3
MT HP 6			3
MT HP 7			3
MT HP 8			3
MT HP 9			3
MT HP 10			3

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 1	1. Có khả năng nhận biết, đánh giá mức độ đau trong ung thư. 2. Biết cách sử dụng các thuốc giảm đau theo thang giảm đau ba bậc của Tổ chức y tế thế giới.
CLO 2	1. Kể được các triệu chứng lâm sàng thường gặp của u vòm mũi họng. 2. Nêu được chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt ung thư vòm mũi họng.

	3. Nêu được nguyên tắc điều trị theo giai đoạn bệnh.
CLO 3	1. Trình bày các yếu tố nguy cơ gây ung thư phế quản phổi 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán ung thư phế quản phổi 3. Nêu được nguyên tắc điều trị bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ và ung thư phổi tế bào nhỏ.
CLO 4	1. Trình bày được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây ung thư dạ dày 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán bệnh ung thư dạ dày 3. Phân tích vai trò của các phương pháp điều trị ung thư dạ dày.
CLO 5	1. Trình bày được dịch tế học và yếu tố nguy cơ của ung thư đại trực tràng 2. Trình bày được các đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán ung thư đại trực tràng. 3. Trình bày được các nguyên tắc điều trị ung thư đại trực tràng.
CLO 6	1. Trình bày được dịch tế học, yếu tố nguy cơ gây ung thư vú. 2. Trình bày được phương pháp chẩn đoán ung thư vú và các yếu tố tiên lượng trong ung thư vú. 3. Trình bày được các phương pháp điều trị ung thư vú.
CLO 7	1. Trình bày được chẩn đoán u lympho ác tính không Hodgkin 2. Trình bày được xếp loại giai đoạn u lympho ác tính không Hodgkin theo Ann Arbor 3. Nêu được nguyên tắc điều trị u lympho ác tính không Hodgkin
CLO 8	1. Trình bày được chẩn đoán ung thư gan 2. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư gan
CLO 9	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư buồng trứng. 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư buồng trứng. 3. Nắm được nguyên tắc điều trị ung thư buồng trứng theo giai đoạn.
CLO 10	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư cổ tử cung 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư cổ tử cung 3. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư cổ tử cung theo các giai đoạn

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1				3		3	3	3
CLO 2				3		3	3	3
CLO 3				3		3	3	3
CLO 4				3		3	3	3
CLO 5				3		3	3	3
CLO 6				3		3	3	3

CLO 7				3		3	3	3
CLO 8				3		3	3	3
CLO 9				3		3	3	3
CLO 10				3		3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mic

6.1.2. Lâm sàng: Tại bệnh viện K

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 5/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 5/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phân/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4	Điều trị giảm đau	4	Nằm được điều trị giảm đau	4,6,7,8	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
4	Ung thư vòm	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư vòm	4,6,7,8			
4	Ung thư phổi	4	Có khả năng khám, chẩn	4,6,7,8			

4	Ung thư dạ dày	4	đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư Phế quản - Phôi	4,6,7,8				
4	Ung thư đại tràng	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư dạ dày	4,6,7,8				
4	Ung thư vú	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư đại tràng	4,6,7,8				
4	U lympho ác tính không Hodgkin	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư vú	4,6,7,8				
4	Ung thư gan nguyên phát	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh U lympho ác tính không Hodgkin	4,6,7,8				

4	Ung thư biểu mô buồng trứng	4	bệnh Ung thư gan nguyên phát Có khả năng chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư biểu mô buồng trứng	4,6,7,8			
4	Ung thư cổ tử cung	4	Có khả năng chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư cổ tử cung	4,6,7,8			

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trong thư máy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt		Không đạt		
		Rất tốt	Tốt			
		Đạt	Đạt			
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiêu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Đánh giá
		Đạt		Không đạt	
		Rất tốt	Tốt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch		nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định		không theo quy định	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo		Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	

		đúng quy định	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu
Nội dung Đạt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu chuẩn	Thiếu yêu cầu chuẩn	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu
Phân tổng quan	10%	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu yêu cầu chuẩn	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu yêu cầu chuẩn	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic
Dự kiến kết quả, bàn luận, kết luận, kế hoạch nghiên cứu, phụ lục	10%	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu yêu cầu chuẩn	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (lý thuyết)	66,7%	Điểm tiểu luận	Chủ đề bộ môn ra	100%	3	4,6,7,8	Mỗi HV hoàn thành 01 bài báo cáo
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (Thực hành)	33,3%	Thi lâm sàng tại bệnh viện thực hành	Hỏi thi vấn đáp	100%	3	4,6,7,8	Hỏi thi vấn đáp

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ), năm 2022

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bài giảng Ung thư học (2001), Bộ môn Ung thư, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

[3] Bệnh học Ung thư Phụ khoa (2005), Trần Thị Phương Mai.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	BỘ MÔN/MÔ ĐUN <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Thái Hoà
--	--

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVYDCT, ngày tháng.... năm 2023
của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa YHCT kết hợp YHHĐ
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: 241322
- Số tín chỉ: 05(02 LT/ 03LS)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 90 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com
3	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com

4	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
---	----------------------	------------	-----------------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT HP2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
MT HP3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1		2	
MT HP2		2	
MT HP3		2	
MT HP4			2

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
CLO2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
CLO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
CLO4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1					1			
CLO 2					1	2		
CLO 3					1	2		
CLO4								2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học có máy chiếu, mic

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện Châm cứu TW, Bệnh viện YHCT Hà Nội, Bệnh viện Đống Đa

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%, số tiết tham dự thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Lão khoa mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về lão khoa	4/	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Đọc tài liệu, thảo	

						luyện nhóm	
2	Nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	4	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	CLO2	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
3	Bệnh học và Điều trị bệnh Đái tháo đư	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
4	Bệnh học và Điều trị bệnh Tai biến mạch máu não	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
5	Bệnh học và Điều trị bệnh Alzheimer	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
6	Bệnh học và Điều trị bệnh Thoái hóa khớp Loãng xương	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
7	Bệnh học và Điều trị bệnh Parkinson	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
8	Giải đáp thắc mắc	2		CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	
2	Chẩn đoán và điều trị TBMMN	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	
3	Chẩn đoán và Điều trị Đái tháo đường	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	

4	Chẩn đoán và Điều trị Loãng xương, thoái hóa khớp	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	
5	Chẩn đoán và Điều trị U phì đại tiền liệt tuyến	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	
6	Chẩn đoán và Điều trị Alzheimer	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	
7	Chẩn đoán và Điều trị mất ngủ	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thông	Thảo luận nhóm	

			trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh				
8	Chẩn đoán và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm
9	Chẩn đoán và Điều trị Parkinson	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

* **Chỉ tiêu đánh giá:**

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Cách làm, trình bày bệnh án.
Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng.
Đánh giá theo bảng kiểm.

* **Phương pháp đánh giá:**

Nội dung	Số lần	Phương pháp	Trọng số
Điểm thi kết thúc học phần	01	Thi test	0,2
Điểm thi lâm sàng	01	Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án	0.1

* **Phương pháp tính điểm môn học:**

Điểm TKMH = (Điểm TKLT* 2 + Điểm TKLS)/3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

- Lão khoa YHCT, NXB Giáo dục
- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

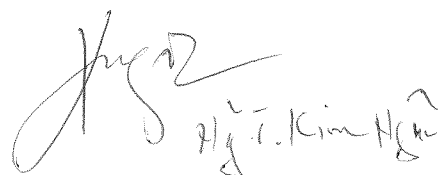
✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)



13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: PHƯƠNG TẾ HỌC LÂM SÀNG**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: phương tế học lâm sàng
- * Tiếng Việt: phương tế học lâm sàng
- * Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: 141312
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 45 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sỹ ngành YHCT năm thứ 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Y lý YHCT, bệnh học YHCT, đông dược
 - + Học phần học trước: Y lý YHCT, bệnh học YHCT, đông dược
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: bộ môn Phương tế

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc

	+ Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1	1	3	3
MT2	1	3	3
MT3	1	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật một số bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp dùng thuốc YHCT
CLO2	Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT
CLO3	Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
CLO4	Có trách nhiệm tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về các bài thuốc YHCT trong quá trình điều trị bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	3	2	2	3	3	2	3	3
CLO2	3	2	2	3	3	2	3	3
CLO3	3	2	2	3	3	2	3	3
CLO4	3	2	2	3	3	2	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Phấn, bảng

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành (nếu có)

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Phương tiện học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1 (8 tiết)	<p>CHƯƠNG 1</p> <p>Nguyên tác trị liệu YHCT</p> <p>Phương thuốc giải biểu</p> <p>Phương thuốc thanh nhiệt</p>	08/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên tác trị liệu của YHCT - Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc - Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT - Giải thích 	CLO1 CLO2 CLO4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	

				<p>được ý nghĩa phổi ngũ của mỗi phương thuốc</p> <p>- So sánh được phương thuốc cùng nhóm</p> <p>- Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng</p>					
Tuần 2 (8 tiết)	<p>CHƯƠNG 2</p> <p>Phương thuốc hoà giải</p> <p>Phương thuốc ôn lý</p> <p>Phương thuốc trừ phong</p> <p>Phương thuốc trừ thấp</p> <p>Phương thuốc trừ phong thấp</p>		08/0/0	<p>- Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT</p> <p>- Giải thích được ý nghĩa phổi ngũ của mỗi phương thuốc</p> <p>- So sánh được</p>	CLO1 CLO2 CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>		

Tuần 3 (8 tiết)			<p>phương thuốc cùng nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 	CLO1 CLO2 CLO4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	
	<p>CHƯƠNG 3 Phương thuốc an thần Phương thuốc có sáp Phương thuốc lý khí Phương thuốc lý huyết Phương thuốc trừ đàm</p>	08/0/0	<p>Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc - So sánh được phương thuốc cùng nhóm - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 				

Tuần 4 (6 tiết)	CHƯƠNG 4 Phương thuốc bổ	06/0/0	- Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT - Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc - So sánh được phương thuốc cùng nhóm - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
--------------------	------------------------------------	--------	---	----------------------	--	---	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (6 tiết)	Bệnh bệnh án điều trị chứng thất miên	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học Động não Giải quyết vấn đề Thảo luận Vấn đáp 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, Trả lời, Ghi chép Suy nghĩ – trả lời Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm Thuyết trình slide, phân biện Viết báo cáo 	
Buổi 2 (6 tiết)	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tỳ	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT Làm việc nhóm và 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học Động não Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, Trả lời, Ghi chép Suy nghĩ – trả lời Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 	

			giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projecter Phấn Bảng	3. Thảo luận 4. Vấn đáp	5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	
Buổi 3 (6 tiết)	Bệnh bệnh án điều trị chứng huyễn vựng	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT 2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT 3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projecter Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo 	
Buổi 4 (6 tiết)	Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT 2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT 3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projecter Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo 	

Buổi 5 (6 tiết)	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp	6/0/0	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p> <p>2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT</p> <p>3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>5. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>
Buổi 6 (5 tiết)	Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả	5/0/0	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p> <p>2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT</p> <p>3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm</p> <p>5. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>
Buổi 7 (4 tiết)	Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát	4/0/0	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p>	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p>

		2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT	3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội		Bảng	thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	3. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo	
Thi lâm sàng: Hỏi thi vấn đáp	6,0 tiết							Điểm lâm sàng

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng	33,3%	Hỏi thi vấn đáp 1 lần cuối đợt	01 bài	33,3%/bài	Không	CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH đi lâm sàng
Điểm thi lý thuyết	66,7%	Làm bài tiểu luận	01 Bài	66,7%	Không	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: chấm theo thang điểm 10

9.2 Điểm lâm sàng:

- Học viên làm bệnh án
- Giảng viên hỏi thi vấn đáp: 2 giảng viên hỏi thi 01 học viên (trong đó có 01 giảng viên chính là Tiến sĩ trở lên)

- Chấm theo thang điểm 10 (điểm bệnh án 4 điểm, điểm vấn đáp 6 điểm)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và lâm sàng = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. 邓中甲 (2021), 方剂学. 新世纪 – 全国高等中医院校规划教材, 供 中 医 药 类 专 业 用。中国中医药出版社.

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y được trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008

2. - 彭怀仁 (2015), 中医方剂大辞典, 人民卫生出版社.

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Viện Y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ giảng nghĩa*, NXB Y học.

4. Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


PGS.TS Trần Thị Thu Vân

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: CHÂM CỨU
MÔN: CHÂM CỨU

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: Thạc sĩ ngành Y học cổ truyền

- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (LT 2; LS 1)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 15 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Châm cứu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS. Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	

3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	
6	TS.Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện
MT2	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu
MT3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí - Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp 	3	3	3

- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện			
Kỹ năng: - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	3	3	3
Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
CLO2	- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp
CLO3	Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
CLO4	- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện
CLO5	- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	3	2	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Tý ngọ lưu trú	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh	3	2	3	3	3	3	3
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mãng châm	3	3	3	3	3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Bảng, phấn
4	Thảm yoga
5	Giường y tế

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí trong điều trị một số bệnh . 	CLO1 CLO3 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	
Buổi 2 (4 tiết)	Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4	Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi	CLO1 CLO4 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 	

								3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép		
Buổi 3 (4 tiết)	Chuyên đề 3: Tỷ lệ lưu trú	4		- Trình bày được định nghĩa tỷ lệ lưu trú và một số quy tắc của Tỷ lệ lưu trú pháp ngộ	CLO1 CLO4 CLO5	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép			
Buổi 4 (4 tiết)	Chuyên đề 4: Phương pháp bỏ tá	4		Mô tả được các phép bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp	CLO1 CLO4 CLO5	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép			
Buổi 5	Chuyên đề 5: Lĩnh khu, Châm cứu giáp át	4		Quan điểm về						

(4 tiết)	kinh			Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Giáp ất kinh				
Buổi 6 (4 tiết)	Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4		Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Châm cứu Đại thành	CLO1 CLO4 CLO5			
Buổi 7 (3 tiết)	Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3		Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.	CLO1 CLO4 CLO5			
Buổi 8 (3 tiết)	Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mẫng châm	3		- Trình bày được kỹ thuật mẫng châm, điện mẫng	CLO1 CLO4 CLO5			

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar/ Bình bệnh án trên Lâm sàng

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Hướng dẫn thực hành phương pháp bỏ tá đơn trong CHĂM CỨU	04	Mô tả được các phép bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp	CLO1 CLO2 CLO3 CLOS		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình và trên người bệnh	
Buổi 2 (4 tiết)	Hướng dẫn thực hành phương pháp bỏ tá phối hợp trong	04	Mô tả được các phép bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp	CLO1 CLO2 CLO3		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên	

	CHĂM CỨU			CLO5		hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	hướng dẫn trên hình Thực các thuật trên mô hình và trên người bệnh	
Buổi 3 (4 tiết)	Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHĂM CỨU	04	Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực các thuật trên mô hình và trên người bệnh	
Buổi 4 (4 tiết)	Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHĂM CỨU	04	Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình	

				quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí				Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 5 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình		
Buổi 6 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình		
Buổi 7 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá	CLO1 CLO2 CLO3		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp	Trả lời các câu hỏi Quan sát		

	CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh toạ		phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO5		Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	giảng viên hướng dẫn mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 8 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực tập thủ thuật trên mô hình và trên người bệnh
Buổi 9 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực tập các

			bệnh bằng Châm cứu bệnh thường gặp		hướng dẫn tư thế chuẩn	thủ thuật trên mô hình	
Buổi 10 (4 tiết)	Thi hết thực hành/lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng và chấm điểm bệnh án	04		CLO1 CLO2 CLO3 CLO5			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/Bệnh án lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Bệnh án	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;

			Không chính tả	lỗi	tả kết quả chưa rõ ràng	quả bài toán		
--	--	--	-------------------	-----	----------------------------	--------------	--	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm lâm sàng	30%	Hỏi thi lâm sàng	01 bệnh án	100%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy CHÂM CỨU, dành cho đối tượng Sau Đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan** (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Nguu và Lương Tú Vân** dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang** , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. **Nguyễn Tử Siêu**, *Hoàng đế nội kinh tổ vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. **Phan Quan Chí Hiếu**, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007.

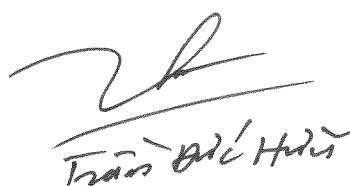
11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Đức Hữu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH
MÔN: KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Khí công dưỡng sinh- Xoa bóp bấm huyệt

* Tiếng Anh: Qigong nourioushing – acupressure masage

- Mã học phần/ mô đun: 8720115

- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (LT 1; TH 1; LS 1)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp. - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .
MT2	<p>Kỹ năng:</p> <p>Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ cứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh
MT3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa 	3	3	3

<p>bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . 			
<p>Kỹ năng: Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh 	3	3	3
<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống.
CLO2	Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp.

CLO3	Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh
CLO4	Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh
CLO5	Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CDR1	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công.	3	3	3	3	3	3
Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh.	3	3	3	3	3	3
Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí.	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế trong KC	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công	3	3	3	3	3	3
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	3	3	3	3	3	3
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp tác	3	3	3	3	3	3

động cột sống, ứng dụng TĐCS trong điều trị một số bệnh thường gặp						
--	--	--	--	--	--	--

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Bảng, phấn
4	Thảm yoga
5	Giường y tế

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>BÀI 1: Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công.</p> <p>Bài 2: Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh.</p> <p>Bài 3: Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS</p>	4/0/0	<p>1. Trình bày được đại cương về khí công</p> <p>2. Trình bày được các trường phái của khí công</p>	CLO1 CLO3	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 2 (4 tiết)	<p>Bài 4: Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí</p> <p>Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công</p> <p>Bài 5: Luyện tư thế trong KC</p> <p>Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở</p>	4/0/0	<p>1. Trình bày được hiểu biết về khí, tinh, thần</p> <p>2. Trình bày được luyện tư thế, luyện tĩnh, luyện động</p>	CLO1 CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	

	Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở								
Buổi 3 (4 tiết)	Bài 5: Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp Đại cương phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TĐCS trong điều trị một số bệnh thường gặp	4/0/0	1. Trình bày được đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt điều trị một số bệnh thường gặp 2. Trình bày được phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TĐCS trong điều trị một số bệnh thường gặp	CLO1 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép			
Buổi 4 (4 tiết)	Bài 6: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3/0/0	1. Trình bày được Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CLO1- CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép			
	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết							KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên đánh (ở cột bản 8.2.
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống	CLO1 CLO2 CLO3		1. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 2. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình 3. Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	1. Trả lời các câu hỏi 2. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình 3. Thực tập các thủ thuật trên mô hình	
Buổi 2 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động	CLO1 CLO2 CLO3		4. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 5. Hướng dẫn	4. Trả lời các câu hỏi 5. Quan sát	

	trong điều trị một số bệnh		cột sống trong điều trị một số bệnh			thực hành mẫu trên mô hình	giảng viên hướng dẫn trên mô hình
Buổi 3 (4 tiết)	Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	CLO1 CLO2 CLO3		6. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 7. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	6. Trả lời các câu hỏi 7. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 4 (4 tiết)	Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống xơ cứng	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống xơ cứng	CLO1 CLO2 CLO3		8. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 9. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học	8. Trả lời các câu hỏi 9. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên

Buổi 5 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CLO1 CLO2 CLO3		viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 6 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3		10. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 11. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	10. Trả lời các câu hỏi 11. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
						12. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 13. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	12. Trả lời các câu hỏi 13. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình

Buổi 7 (4 tiết)	Làm sáng ứng dụng: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý.	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý trên lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO3		14. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 15. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	14. Trả lời các câu hỏi 15. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 8 (4 tiết)	Làm sáng ứng dụng: - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	CLO1 CLO2 CLO3		16. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 17. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	16. Trả lời các câu hỏi 17. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 9 (4 tiết)	Làm sáng ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: các bài tập dưỡng sinh	CLO2		18. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 19. Hướng dẫn	18. Trả lời các câu hỏi 19. Quan sát

	điều trị một số bệnh thường gặp		trong điều trị một số bệnh thường gặp				thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 10 (4 tiết)	Thi hết thực hành/lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài	04			CLO3			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%	CLO2	Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

Hình thức trình bày;	20%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
----------------------	-----	--	--	--	--	--

Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc

				<ul style="list-style-type: none"> - Khuyên khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man 	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	

<p>- Tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch đầy đủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch không rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
---	---	--	---	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy, viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu,	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng
-------------------------	-----------------	------------------------	---	---	--

phần/mô đun				Áp dụng)	tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYẾT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hưởng (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiếp (1977), *Thể dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.

12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học
15. Trần Quang Đạt, Trần Thái Hà (2022). *Điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp, khí công dưỡng sinh*. Nhà xuất bản Y học.
16. Trần Thái Hà, Trần Quang Đạt (2022). *Châm cứu xoa bóp dưỡng sinh chữa và phòng một số chứng bệnh mạn tính ở người cao tuổi*. Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

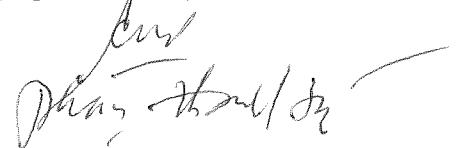
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc y học cổ truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: YHCT. Mã số đào tạo: 9720

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Preparation techniques of traditional Pharmacy

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 3TC trong đó: LT 1; TH: 2 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, Dược liệu

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị, bào chế cao đơn hoàn tán và dạng bào chế theo hướng hiện đại hóa thuốc Y học cổ truyền.

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng

- Bào chế được một số dạng cao đơn hoàn tán, dạng bào chế hiện đại thuốc YHCT thông dụng

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế một số dạng thuốc YHCT nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị thuốc Y học cổ truyền.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế cao đơn hoàn tán, siro, viên nang viên nén, viên hoàn mềm, hoàn cứng, cốm của thuốc Y học cổ truyền.
CLO3	Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng
CLO4	Bào chế được một số dạng bào chế thuốc YHCT thông dụng
CLO5	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao

	trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế các dạng thuốc YHCT nói riêng.
--	---

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	3	4	7	8	11	12	13	Ghi chú
CLO 1	3	3						Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2	3	3						
CLO 3			3	3				
CLO 4			3	3				
CLO 5					3	3	3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Bài 1: Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cùn.
3	Bài 2: Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel, dụng cụ thủy tinh, dụng cụ pha chế siro, tạo thuốc cốm

4	Bài 3: Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cưa, máy tạo viên hoàn mềm.
5	Bài 4: Tủ sấy, dao cưa, khay inox sấy máy xay, bộ rây, dụng cụ thủy tinh, máy tạt viên hoàn cứng

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Thạc sĩ YHCT là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành YHCT, cung cấp cho người học các nội dung về các phương pháp chế biến, kỹ thuật chế biến vị thuốc, dạng bào chế thuốc YH cổ truyền và phương pháp, kỹ thuật bào chế. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc, dạng thuốc cổ truyền, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa	hoạt động nhóm/động não/ học	Bài kiểm tra giữa kỳ

	YHCT				trên vấn đề	dựa trên vấn đề
Tuần 2	II. Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 3	III. Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 4	IV. Phương pháp và kỹ thuật bào chế cao đơn hoàn tán thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 5	IV. Phương pháp và kỹ thuật bào chế siro, hoàn cứng, hoàn mềm, cốm, viên nang, nén thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
-----------------------------------	---	--------------------------------------	-------------------------------------	---	--	----------------------------	----------------------------	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: sao thuốc	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 2	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: chính gừng/giấm/phụ liệu một số dược liệu	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 3	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 4	Bài 3: Bào chế siro/cốm cô truyền	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 4	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 5	Bài 4: Bào chế viên hoàn cứng/mềm	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 6	Bài 5: Bào chế một số dạng hiện đại (viên nang, viên nén..) thuốc cổ truyền	5	CLO 3,4, 5	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến

10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				

Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức			Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền Phân loại TYHCT					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền và kỹ thuật, phương pháp tiêu chuẩn hóa					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %	Số câu: 516 Số điểm	

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ*

truyền – Tài liệu lưu hành nội bộ.

4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 202...

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:

Ngày/tháng/năm.

Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng: Thạc sĩ y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHD

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 10 tín chỉ (LT: 5, LS: 5)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết

+ Lý thuyết: 75 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 20 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CĐR CỦA HỌC PHẦN

bệnh nội khoa y học cổ truyền.	
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
	Kiến thức cơ sở ngành X	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
--------------------------------------	-------------------------------------	---------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	---

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	2	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	3	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	3	8	2	0	15	1	
4.	Tiền bí	3	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	3	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	3	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	2	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	3	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	2	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	3	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	2	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	3	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	2	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	2	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	2	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	2	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	2	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	9	8	2	0	15	1	
	Tổng	45		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Đại cương học phần	4	0	0				
Chương	1. Tiết tả	10	4	8	Bình		Đọc giáo	

1: Tiêu hóa	2. Vị quản thông 3. Tiện bí 4. Hoàng đàn				bệnh án ca lâm sàng		trình, tài liệu tham khảo, trang website và	
Chương 2: Cơ xương khớp	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong 5. Ma mộc	15	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng		chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận trong tác.	
Chương 3: Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vụng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	10	4	8				
Chương 4: Tổng hợp 2	1. Khái thấu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	10	4	8				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		
	Điểm lâm sàng	33%		

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

10. Tài liệu học tập


Giáo trình học tập

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA	<i>Hà Nội, ngày tháng năm 20</i> BỘ MÔN  PGS.TS Đoàn Quang Huy
--------------------	---

Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng đào tạo: Thạc sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 17 LS (520 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 510 tiết

+ Lâm sàng: 510 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 34 tiết

+ Tự học: 480 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC

chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	4	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	4	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cột phong	4	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	1	
10.	Ma mịch	4	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	4	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	1	
	Tổng	72		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đàn	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyễn vụng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
TỔNG		72	0	0	34	18	138

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN



PGS.TS Đoàn Quang Huy

Thạc sĩ

18

**BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: Ngoại YHCT kết hợp YHHD**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Ngoại YHCT kết hợp YHHD
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 LT/ 3 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com

4	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
---	--------------------------	------------	-------------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
MT2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
MT3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
MT4	Tổng hợp đánh giá đưa ra phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1
MT4	2	2	2	2	3	3	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
CLO2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
CLO3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
CLO4	Tổng hợp đánh giá đưa ra phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa

	theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học
CLO5	Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao
CLO6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO4	2	2	2	2	3	3	2	2
CLO5	1	1	1	3	1	1	3	3
CLO6	1	2	1	3	3	3	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Quân Đội, Bệnh viện châm cứu Trung Ương, Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội, Bệnh viện YHCT Hà Đông, Bệnh viện E, Bệnh viện 198, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP).

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Bệnh lý mạch máu</p> <p>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng xơ, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi. Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng. 	4/0/0	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

Buổi 1 (4 tiết)	Chương 2. Bệnh lý hậu môn trực tràng	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (2 tiết)	<p>1. Rò hậu môn</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn Phòng bệnh 	6/0/0				
	<p>2. Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng 					

	<p>y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trí</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trí</p> <p>3. Phòng bệnh</p>							
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (2 tiết)</p>	<p>Chương 3: Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang. Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết</p> <p>2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.</p>	6/0/0	CDR 5, CDR 6	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>		
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Bệnh lý hệ tiết niệu</p> <p>I. Viêm bàng quang</p>	8/0/0	CDR 5, CDR 6	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p>	<p>1. Thuyết trình</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p>		

<p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh viêm bàng quang 2. Triệu chứng và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán viêm bàng quang 4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán viêm bàng quang 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh viêm bàng quang bằng bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm 2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và phương pháp điều trị các thể bệnh chứng viêm bàng quang. 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị viêm bàng quang 4. Phòng bệnh <p>II.Sỏi tiết niệu</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành 2. Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu 4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết 		<p>CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
----------------------------	---	--	-------------------------------	--	---	--

<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>niệu bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm 2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm. 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu 4. Phòng bệnh <p>Chương 5: Gãy xương</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa và phân loại gãy xương 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương 3. Tiến triển của gãy xương <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn chỉnh. 2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ. 3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương <ol style="list-style-type: none"> 2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ 4. Thuốc 	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5, CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	
----------------------------	---	--------------	---------------------	---	--	---	--

					<p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý mạch máu bằng YHCT</p>			
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP, loa, mic...	<p>1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHĐ</p> <p>2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHĐ.</p> <p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng bằng YHCT</p>	0/22/0/0		<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6</p>
Buổi 2 (4 tiết)								1. Nghe, Trả lời, Ghi chép
Buổi 3 (4 tiết)								2. Suy nghĩ – trả lời
Buổi 4 (4 tiết)								3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị
Buổi 5 (4 tiết)								5. Phản biện
Buổi 6 (2 tiết)								6. Viết bệnh án
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP,	<p>1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng,</p>	0/20/0/0		1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập.
Buổi 2 (4 tiết)								2. Động não
								3. Thảo luận
								4. Vấn đáp
								5. Phán biện
								6. Viết bệnh án

Buổi 3 (4 tiết)				CLO4 CLO5 CLO6	loa, mic...	điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	3
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh lý hệ tiết			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 2 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh lý hệ tiết	0/20/0/0						
Buổi 3 (4 tiết)								
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								

	Case lâm sàng Gãy xương		niệm theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bệnh lý hệ tiết niệu bằng YHCT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận. 4. Vấn đáp	6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 5
Buổi 1 (4 tiết) Buổi 2 (4 tiết) Buổi 3 (4 tiết)		0/12/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Gãy xương theo YHHD 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Gãy xương theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Gãy xương bằng YHCT			1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án		
Thi kết thúc lâm sàng:		4,0 tiết						

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng dưới 40%	100%
Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic đầy đủ	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rucbric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Ma trận thi tự luận.

Thời gian: 90 phút ;

Tổng số câu: 03

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
Tổ hợp 1: Bệnh lý mạch máu, Bệnh lý hậu môn trực tràng	33%	1			1
Tổ hợp 2: Bệnh tăng sản tuyến	34%	1			1

tiền liệt, Gãy xương				
Tổ hợp 3: Sỏi tiết niệu	33%	1		1
Tổng	100%	3		3

Điểm thi được tính theo thang điểm 10

9.4.2. Ma Trận thi tiêu luận

Điểm	Tiêu chí
9-10	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu luận hoàn thành xuất sắc các mục tiêu; có đóng góp mới về lý thuyết: bổ sung lý thuyết, đưa ra giả thuyết mới, dữ liệu/dữ kiện mới, ... hoặc có đóng góp mới về thực tiễn: đưa ra giải pháp, phương án cải tiến trong sản xuất, kỹ thuật, quản lý, ...) có tính khả thi cao. - Tiêu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ cao; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....
8,0 ÷ 8,9	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới ở mức độ chưa hoàn thiện về lý thuyết hoặc thực tiễn. - Tiêu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong sáng sủa, dễ hiểu; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....
7,0 ÷ 7,9	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có lập luận chặt chẽ cho các kết luận của Tiêu luận. <p>Tiêu luận có bố cục hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
6,0 ÷ 6,9	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, có lập luận tương đối chặt chẽ cho các kết luận của luận văn. - Tiêu luận có bố cục tương đối hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.
5,5 ÷ 5,9	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu luận hoàn thành một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra tuy nhiên nội dung luận văn không có điểm mới hoặc lập luận có chỗ không chặt chẽ và chính xác. - Tiêu luận có bố cục chưa hợp lý, hình thức còn có chỗ sai sót, chưa đúng hoàn toàn quy định của Trường.

Dưới 5	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận còn quá sơ sài, còn có điểm sai sót. - Tiểu luận có bố cục không hợp lý, khó hiểu, hình thức còn nhiều sai sót, chưa theo đúng quy định của Trường.
---------------	--

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi test hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đoàn Minh Thụy

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHD

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHD
- * Tiếng Anh: Reproductive system and Sexual Medicine Traditional medicine combined with modern medicine
- Mã học phần/ mô đun: 241318
- Số tín chỉ: 2 LT/ 3 LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	TS.BS. Quách Thị Yến	0912661423	Quachthiyen@gmail.com

3	TS.BS. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com
4	ThS.BS. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
5	ThS.BS. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT
MT2	Thực hiện thành thạo việc thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHD.
MT3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHD một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT
CLO2	Thực hiện thành thạo việc thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp một

	số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHD
CLO3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHD một cách khoa học.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức và các bệnh viện thực hành của Học viện (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp học viên đạt được kiến thức tổng hợp, phân tích, kỹ năng chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý sinh dục – y học giới tính YHCT kết hợp YHHĐ. Có thái độ cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý sinh dục và giới trong việc học tập và nghiên cứu.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (8 tiết)	Chương 1. Sinh lý sinh dục YHHD Triệu chứng bệnh lý nam khoa 1. Giải phẫu hệ sinh dục 2. Sinh lý sinh dục sinh sản nam nữ 3. Triệu chứng bệnh lý nam khoa	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (8 tiết)	Chương 2. Biện chứng luận trị bệnh lý nam nữ khoa 1. Bệnh nguyên bệnh cơ 2. Biện chứng luận trị và chẩn đoán bệnh 3. Phương pháp điều trị	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

<p>Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Suy sinh dục nam A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh Suy sinh dục nam 2. Triệu chứng Suy sinh dục nam và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán Suy sinh dục nam. 4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt Suy sinh dục nam 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh Suy sinh dục nam bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng Suy sinh dục nam. 2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng Suy sinh dục nam . 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị Suy sinh dục nam 4. Phòng bệnh</p>	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>
<p>Buổi 4 (8 tiết)</p>	<p>Chương 5: Vô sinh nam nữ A. Y học hiện đại 1. Định nghĩa và phân loại Vô sinh. 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán Vô sinh. B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân gây vô sinh</p>	<p>4/0/4</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng</p>

	2. Chẩn đoán và điều trị vô sinh			quyết đề	vấn chép	nghe ghi	
Buổi 5 (02 tiết)	Một số phương pháp hỗ trợ sinh sản	2/0/0					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Suy sinh dục nam		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 2 (4 tiết)		0/12/0/0					
Buổi 3 (4 tiết)							

					pháp điều trị Bệnh lý Suy sinh đực nam theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh Suy sinh đực nam bằng YHCT						6. Viết bệnh án	
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nam				1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh Nam theo YHHD. 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Vô sinh Nam theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Vô sinh nam bằng YHCT	0/22/0/0		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 2
Buổi 2 (4 tiết)												
Buổi 3 (4 tiết)												
Buổi 4 (4 tiết)												
Buổi 5 (4 tiết)												
Buổi 6 (2 tiết)												
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nữ				1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và	0/22/0/0		CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho

Buổi 2 (4 tiết)			triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh nữ theo YHHD	CLO3	, LAPTOP, loa, mic...	đẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	điểm bài 3
Buổi 3 (4 tiết)			2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Vô sinh nữ theo YHHD.					
Buổi 4 (4 tiết)			3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Vô sinh nữ bằng YHCT					
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh viêm màng tinh mãn tính	0/20/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được viêm màng tinh mãn tính theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTOR , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)								
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								

		3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị viêm màng tinh mẫn tính bằng YHCT		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTOR , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Tháo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 5
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng rối loạn cương dương	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được bệnh lý rối loạn cương dương theo YHHĐ	0/12/0/0		3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bệnh lý rối loạn cương dương bằng YHCT			
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)								
Thi hết thực hành/lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài			4,0 tiết					KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO1 CLO2 CLO3	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng dưới 40%	100%
Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi tự luận hoặc tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Ma trận thi tự luận.

Thời gian: 90 phút ;

Tổng số câu: 03

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
Tổ hợp 1: Bệnh lý suy sinh dục Nam	33%	1			1
Tổ hợp 2: Bệnh lý vô sinh Nam – Nữ	34%	1			1
Tổ hợp 3: Chẩn đoán và điều trị các vấn đề tình dục và sinh sản ở Nam giới	33%	1			1
Tổng	100%	3			3

Điểm thi được tính theo thang điểm 10

9.4.2. Thang điểm đánh giá tiểu luận

Điểm	Tiêu chí
9-10	- Tiểu luận hoàn thành xuất sắc các mục tiêu; có đóng góp mới về lý thuyết:

	<p>bổ sung lý thuyết, đưa ra giả thuyết mới, dữ liệu/dữ kiện mới, ... hoặc có đóng góp mới về thực tiễn: đưa ra giải pháp, phương án cải tiến trong sản xuất, kỹ thuật, quản lý, ...) có tính khả thi cao.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ cao; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</p>
8,0 ÷ 8,9	<p>- Tiểu luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới ở mức độ chưa hoàn thiện về lý thuyết hoặc thực tiễn.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong sáng sủa, dễ hiểu; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</p>
7,0 ÷ 7,9	<p>- Tiểu luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có lập luận chặt chẽ cho các kết luận của Tiểu luận.</p> <p>Tiểu luận có bố cục hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
6,0 ÷ 6,9	<p>- Tiểu luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, có lập luận tương đối chặt chẽ cho các kết luận của luận văn.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục tương đối hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
5,5 ÷ 5,9	<p>- Tiểu luận hoàn thành một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra tuy nhiên nội dung luận văn không có điểm mới hoặc lập luận có chỗ không chặt chẽ và chính xác.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục chưa hợp lý, hình thức còn có chỗ sai sót, chưa đúng hoàn toàn quy định của Trường.</p>
Dưới 5	<p>- Tiểu luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận còn quá sơ sài, còn có điểm sai sót.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục không hợp lý, khó hiểu, hình thức còn nhiều sai sót, chưa theo đúng quy định của Trường.</p>

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc luận văn.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình hệ sinh dục*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học giới tính nam, Trần Quán Anh, Nguyễn Bửu Triều, NXB Y học (2009)
2. Giáo trình học tập: Bệnh học cơ sở hệ sinh dục nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)
3. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmedhealth/PMHT0025040/>

Reproductive System

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

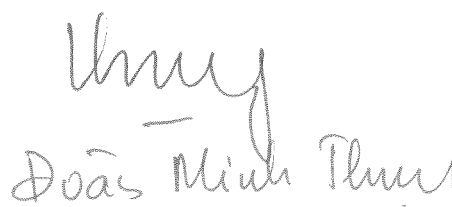
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Doan Minh Thuy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: DA LIỄU.

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Da liễu YHCT kết hợp YHHD

Tên môn học: Da Liễu

Tên tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần

- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết và 3 Lâm sàng

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 45 tiết chuẩn (90 tiết quy đổi)

+ Kiểm tra, đánh giá: 8 tiết

+ Thời gian tự học: 120 tiết

- Đối tượng học: Cao học ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da Liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thế Vỹ	0904250502	
2	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Thom	0915642865	drthomvu@gmail.com

4	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Phương	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT: 1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

3.1. Mục tiêu chung:

Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và lâm sàng về lĩnh vực sức khoẻ da và một số bệnh da liễu kèm theo giáo trình, nguồn tài liệu về các chủ đề da liễu liên quan giúp học viên có khả năng phân tích, đánh giá được tổn thương cơ bản, chẩn đoán và điều trị một số bệnh da liễu, tư vấn để phòng tránh một số bệnh da liễu. Thực hiện một số thủ thuật trên da. Bên cạnh đó, học viên phải tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức đã được qui định, học kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm với tác phong chuyên nghiệp. (3)

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

3.2.1. Về kiến thức: (3)

- Giải thích được: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp và những rối loạn liên quan đến thẩm mỹ da.

- Mô tả được tổn thương cơ bản, trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của các bệnh da liễu thường gặp và da liễu thẩm mỹ

- Sử dụng được các nguồn tài liệu để tìm thông tin liên quan.

3.2.2. Về kỹ năng: (3)

- Thực hiện một số thủ thuật: Châm cứu, cấy chỉ, massage, vi kim chữa một số bệnh da liễu và thẩm mỹ.

- Khám, chẩn đoán thành thạo một số bệnh da liễu và những rối loạn thẩm mỹ da thường gặp.

- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chỉ định hợp lý, điều trị chính xác, tư vấn cách phòng tránh bệnh da liễu và da liễu thẩm mỹ

3.2.3. Về thái độ (2)

- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức.

- Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử tốt.

- Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CDR) của HP

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Lựa chọn được các tài liệu lý thuyết chuyên ngành và liên quan đến chuyên ngành để hiểu rõ kiến thức lý thuyết: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh da liễu. Giải thích được: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh những bệnh da liễu thường gặp theo YHCT và YHHĐ
CLO2	Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định một số bệnh da liễu .
CLO3	Điều trị được một số bệnh da liễu và một số vấn đề của da liễu thẩm mỹ Nghiên cứu, tư vấn, đề xuất giải pháp những vấn đề liên quan đến bệnh da liễu và thẩm mỹ da bằng YHCT và YHHĐ.
CLO4	Thực hiện thành thạo một số quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng, cận lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế.
CLO5	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức, y đức
CLO6	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp.
CLO7	Làm việc độc lập hoặc hội chẩn theo nhóm, có kỹ năng tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tại đơn vị. Tự chịu trách nhiệm trong công tác khám, chữa bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	4	5	6	7	8
CLO1				3			
CLO2				3			
CLO3			3		3		
CLO4					3		
CLO5						1	1

CLO6					3		
CLO7							3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các buổi học lâm sàng tại bệnh viện. Đọc trước nội dung liên quan đến phần lâm sàng và làm bệnh án đầy đủ trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài kiểm tra, thi kết thúc học phần lý thuyết và lâm sàng (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài lâm sàng.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT

- Mục đích chính của học phần là truyền đạt cho học viên làm quen với chuyên ngành da liễu YHCT kết hợp YHHD, có thể chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu và một số vấn đề da liễu thẩm mỹ bằng YHHD và YHCT.

- Nội dung chính của học phần là giảng dạy lý thuyết, lâm sàng và một số thủ thuật trong thẩm mỹ da. Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT và YHHD.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	Số tiết CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Cấu trúc da Y học hiện đại Đại cương da liễu Y học cổ truyền	4/0/16	Mô tả được cấu trúc da Phân tích được chức năng, sinh lý và bệnh lý liên quan. Trình bày được mối liên quan da với âm dương - ngũ hành	CLO1 CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi	Đọc trước nội dung (tài liệu) Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
Buổi 2 (4 tiết)	Lão hoá da Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT	4/0/16	Trình bày được, các dấu hiệu lão hoá, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh. Mô tả được các phương pháp chống lão hoá hiện nay bằng YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm	
Buổi 3 (4 tiết)	Trúng cá theo YHHĐ Trúng cá theo YHCT	4/0/16	Những nghiên cứu mới nhất trên thế giới về trúng cá Trình bày được nguyên nhân, cơ chế	CLO1 CLO2	1.Thuyết trình 2. Đặt câu	Đọc trước nội dung (tài liệu)	

			bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và phương pháp điều trị theo YHCT			hỏi 3.Giao bài tập cho học viên thảo luận	Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm	
Buổi 4 (4 tiết)	Nám da theo YHHĐ Nám da theo YHCT	4/0/16	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và điều trị nám theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	1.Thuyết trình 2. Đặt câu hỏi 3.Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm		
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa YHCT	4/0/16	Những nghiên cứu mới nhất về viêm da cơ địa. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và điều trị Theo YHCT	CLO1 CLO2	1.Thuyết trình 2. Đặt câu hỏi 3.Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm		
Buổi 6	Vẩy nến YHCT		Những nghiên cứu mới nhất về vẩy nến.	CLO1	1.Thuyết trình	Đọc trước nội dung		

(4 tiết)			Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, điều trị theo YHCT	CLO2	trình 2. Đặt câu hỏi 3. Giao bài tập cho học viên thảo luận	đung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm	
Buổi 7 (4 tiết)	Máy đay YHCT		Những nghiên cứu mới nhất về máy đay. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, điều trị theo YHCT	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Đặt câu hỏi 3. Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm	
Buổi 8 (2 tiết)	Zona. YHCT		Những nghiên cứu mới nhất về Zona. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, điều trị theo YHCT	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Đặt câu hỏi 3. Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép Thảo luận nhóm	
	Thi kết thúc học phần	4 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LS/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Đại cương da liễu Y học cổ truyền	8/16	Khám tổng thể da 1 bệnh nhân, giải thích được mối liên quan đến Âm dương - ngũ hành	CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên khám trên bệnh nhân	Làm bệnh án khám trên người bình thường và người bệnh Trả lời câu hỏi của thầy	
Buổi 2 (4 tiết)	Lão hoá da Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT	8/16	Thực hiện một số thủ thuật chống lão hoá trên da (Massage, châm cứu, thủy châm, cây chỉ, peel, vi kim, thuốc bôi, đắp, uống)	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Giảng viên thực hiện thủ thuật trên nhân	Quan sát Thảo luận nhóm	
			Khai thác tiền sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ,	CLO2	Khám	Làm bệnh án	

Buổi 3 (4 tiết)	Trúng cá theo YHHD Trúng cá theo YHCT	8/16	chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định bệnh trứng cá, Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)	CLO3	Đặt câu hỏi Giao cho viên. Đưa ra phác đồ điều trị	Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 4 (4 tiết)	Nám da theo YHHD Nám da theo YHCT	4/0/16	Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt nám Thực hiện một số thủ thuật điều trị nám (Massage, châm cứu, thủy châm, cấy chỉ, peel, vi kim, thuốc bôi, đắp, uống)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa YHCT	4/0/16	Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt viêm da cơ địa Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị viêm da cơ địa (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 6 (4 tiết)	Vẩy nến YHCT	4/0/16	Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án một cách tự tin, đầy đủ, chính xác. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán	CLO2 CLO3 CLO4	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác

			nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt vẩy nến Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị vẩy nến (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)		CLO5 CLO6 CLO7	cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	của thầy Thảo luận nhóm	
Buổi 7 (4 tiết)	Máy dạy YHCT	4/0/16	Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt mày đay Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị mày đay (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	
Buổi 8 (2 tiết)	Zona. YHCT		Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt zona Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị zona (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	
	Thi hết thực hành/làm sáng: Chấm hợp điểm các bài	4 tiết						KTHP

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%		Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	100%

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung	Tỉ	Chuẩn	Mức độ
-----	----------	----	-------	--------

	tính điểm	trọng	đầu ra học phần	8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng vượt thời lượng Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe

			tốt	người nghe	người nghe	
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số	Rubric	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết - Tham gia tích cực thực tế ngoại khoá: đến thăm và khám cho bệnh nhân đi chứng phong
	Thực tế ngoại khoá	10%		CLO 7 CLO 8	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà (đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5 CLO 6	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi tự luận :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5,6,7	

SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Bảng 9.3.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng

						CLO4 CLO5	
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi tự luận Thi trên bệnh nhân or ca lâm sàng	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

Bảng 10.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Y tế - Trường Đại học Y Hà nội	2010	Một số bệnh da liễu	Nhà xuất bản Y học
3	Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y.	2008	Bệnh học Da liễu	Nhà xuất bản Quân đội.
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	2005	Bài giảng bệnh Da liễu	Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
5	Bộ Y Tế Phạm Văn Hiến	2010	Da liễu học	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Layton, Alison	2010	Rock textbook 8 th edition	
7		2006	黄帝.黄帝内经素问[M]. 北京: 中国中医药出版社 (Hoàng đế nội kinh tổ vấn)	NXB Trung y dược Trung quốc
8	Sào Nguyên Phương.	2006	巢元方. 诸病源候论[M]. 北京: 人民军医出版社 (Chư bệnh nguyên hậu luận)	NXB quân y dân nhân

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

BM
flora
 Khoa Da Liễu

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: NHI KHOA YHCT KẾT HỢP YHHĐ**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Nhi khoa YHCT kết hợp YHHĐ

* Tiếng Anh: Pediatrics: Combining traditional medicine and modern medicine

- Mã học phần/ mô đun: 241321

- Số tín chỉ: 2 LT/3LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 04 tiết

+ Thời gian tự học: 120 tiết

- Đối tượng học (năm thứ 3): Thạc sĩ

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Lý luận Y học cổ truyền

+ Học phần học trước: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh260878@gmail.com
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	--	--	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT
MT2	Có kiến thức sâu rộng trong chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
MT3	Có kỹ năng thu thập thông tin; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT 2: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng sâu rộng; có khả năng thực hành nghề nghiệp dựa trên bằng chứng ở một số lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.			x
MT3: Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực, khách quan và có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời, có khả năng đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an		x	

toàn - chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.			
--	--	--	--

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích rõ ràng các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT
CLO2	Phân tích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ
CLO3	Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.
CLO4	Vận dụng tốt được các kỹ năng của YHCT và YHHĐ để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở bệnh nhi.
CL05	Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.
CL06	Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				(3)			
CLO2				(3)	(2)		
CLO3				(3)			
CLO4					(2)		
CLO5						(3)	(3)
CLO6				(3)			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: thực tập tại các bệnh viện Châm cứu Trung ương, Y học cổ truyền Trung ương (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ lâm sàng
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP

2	loa, mic...
3	Ổng nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên cần có ống nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch...
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Lâm sàng/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu lâm sàng /thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Chuẩn bị đầy đủ nội dung liên quan đến phần lâm sàng/thảo luận và viết báo cáo/ bệnh án trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT có kết hợp YHHĐ gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức sâu rộng về Nhi khoa Y học cổ truyền có kết hợp Y học hiện đại

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương) chủ đề	Liên qua n đến CL O nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền - Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền	4/0/4	...	CL O1 CL O2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (2 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	2/0/4	.	CL O1 CL O2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi	Chương 2: Tiêu hóa - Táo bón mạn tính chức	4/0/4		CL O2	1. Thuyết	1. Nghe, ghi	

3 (4 tiết)	năng			CL O3 CL O4	trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 4 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Tiêu chảy	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 5 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Suy dinh dưỡng - Sa trực tràng	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 6 (4)	Chương 3: Hô hấp	4/0/4		CL	1.	1. Nghe,	

tiết)	- Hen phế quản			O2 CL O3 CL O4	Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 7 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Liệt VII ngoại biên	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 8 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Bại não - Các chứng liệt	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết						KTHP
--	-----------------------	-------------	--	--	--	--	--	------

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 4 tiết	Bài 1: Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/ 4	1. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm sinh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ 2. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm bệnh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1
4 tiết	Bài 2: Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/ 4	Vận dụng tốt kiến thức về nguyên tắc điều trị trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân	Đánh giá cho điểm bài 2

							tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 3: Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	08/0/ 0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán nhi khoa	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3
8 tiết	Bài 4: Táo bón mạn tính chức năng	08/0/ 0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ táo bón mạn tính chức năng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
8 tiết	Bài 5: Tiêu chảy	08/0/ 0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ tiêu chảy	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến	Đánh giá cho điểm bài 5

						4.Vấn đáp	hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 6: Suy dinh dưỡng	08/0/08	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ suy dinh dưỡng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6
8 tiết	Bài 7: Sa trực tràng	08/0/08	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ sa trực tràng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
16tiết	Bài 8: Hen phế quản	16/0/08	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ hen phế	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời	Đánh giá cho điểm bài 8

			quản		án	luận 4.Vấn đáp	3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 9: Liệt VII ngoại biên	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ liệt VII ngoại biên	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 9
16 tiết	Bài 10: Bại não và các chứng liệt	16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ bại não và các chứng liệt	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 10
Thi hết lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài		4,0 tiết						KTT H

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận lâm sàng (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO1 CLO2 CLO4	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống biện chứng lập luận logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, biện chứng lập luận chưa logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO1 CLO2 CLO4	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu

				ứng khi cần thiết	phù hợp	hiện khi cần thiết	ứng xuất hiện khi cần thiết	ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO1 CLO2 CLO4	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	- Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO1 CLO2 CLO4	- Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm	15%	CLO5 CLO6	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công	1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công	1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công

2. Trưởng nhóm			<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
----------------------	--	--	---	---	---	---	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm học phần

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	40%	Theo chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO4	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 90 ;

Tổng số câu: 3

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1 CLO2	100%	03	1	1	1
Tổng	100%	03	1	1	1

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nhi khoa Y học cổ truyền, Khoa Y học cổ truyền, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Giáo trình Nhi Khoa Y học cổ truyền, Bộ môn Nhi, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

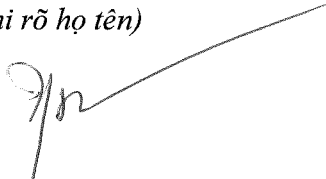
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quyên Nga

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVYDCT, ngày tháng ... năm 2023
của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 8720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Lão khoa YHCT kết hợp YHHĐ
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: 241322
- Số tín chỉ: 05(02 LT/ 03LS)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 90 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
	Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com
3	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com

4	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com
---	----------------------	------------	-----------------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT HP2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
MT HP3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1		2	
MT HP2		2	
MT HP3		2	
MT HP4			2

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được đại cương sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
CLO2	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
CLO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
CLO4	Thực hiện đúng kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1					1			
CLO 2					1	2		
CLO 3					1	2		
CLO4								2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học có máy chiếu, mic

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện Châm cứu TW, Bệnh viện YHCT Hà Nội, Bệnh viện Đổng Đa

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%, số tiết tham dự thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Lão khoa mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông th

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về lão khoa	4/	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi	CLO1	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo	

						luận nhóm	
2	Nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	4	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	CLO2	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
3	Bệnh học và Điều trị bệnh Đái tháo đư	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
4	Bệnh học và Điều trị bệnh Tai biến mạch máu não	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
5	Bệnh học và Điều trị bệnh Alzheimer	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
6	Bệnh học và Điều trị bệnh Thoái hóa khớp Loãng xương	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
7	Bệnh học và Điều trị bệnh Parkinson	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
8	Giải đáp thắc mắc	2		CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHĐ+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
2	Chẩn đoán và điều trị TBMMN	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHĐ+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
3	Chẩn đoán và Điều trị Đái tháo đường	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHĐ+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

4	Chẩn đoán và Điều trị Loãng xương, thoái hóa khớp	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
5	Chẩn đoán và Điều trị U phì đại tiền liệt tuyến	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
6	Chẩn đoán và Điều trị Alzheimer	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
7	Chẩn đoán và Điều trị mất ngủ	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

			trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh				
8	Chẩn đoán và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm
9	Chẩn đoán và Điều trị Parkinson	4	Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng cơ năng, thực thể ở một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi Chẩn đoán và Điều trị một số bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi theo YHHD+YHCT Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

* Chỉ tiêu đánh giá:

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Cách làm, trình bày bệnh án.
Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng.
Đánh giá theo bảng kiểm.

* Phương pháp đánh giá:

Nội dung	Số lần	Phương pháp	Trọng số
Điểm thi kết thúc học phần	01	Thi test	0,2
Điểm thi lâm sàng	01	Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án	0.1

* Phương pháp tính điểm môn học:

$$\text{Điểm TKMH} = (\text{Điểm TKLT} * 2 + \text{Điểm TKLS}) / 3$$

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

- Lão khoa YHCT, NXB Giáo dục
- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

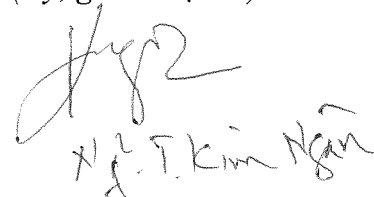
✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


X. T. Kim Ngân

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo Thạc sĩ, Mã số đào tạo: 8720115
Năm thứ: 1

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Ung thư
- * Tiếng Việt: Ung thư
- * Tiếng Anh: Cancer
- Mã học phần/ mô đun: 141310
- Số tín chỉ: 03 LT/02 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết LT/ 90 tiết TH
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 90 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 80 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo Thạc sĩ năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
- + Học phần học trước (đã học):
- + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ung bướu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thái Hoà	0989743185	bshoabvk@gmail.com
2	TS. Phùng Thị Huyền	0989356631	phungthihuyen@gmail.com

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	Kiến thức
MT HP 1	Điều trị giảm đau
MT HP 2	Ung thư vòm
MT HP 3	Ung thư phổi
MT HP 4	Ung thư dạ dày
MT HP 5	Ung thư đại tràng
MT HP 6	Ung thư vú
MT HP 7	U lympho ác tính không Hodgkin
MT HP 8	Ung thư gan nguyên phát
MT HP 9	Ung thư biểu mô buồng trứng
MT HP 10	Ung thư cổ tử cung

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP 1			3
MT HP 2			3
MT HP 3			3
MT HP 4			3
MT HP 5			3
MT HP 6			3
MT HP 7			3
MT HP 8			3
MT HP 9			3
MT HP 10			3

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 1	1. Có khả năng nhận biết, đánh giá mức độ đau trong ung thư. 2. Biết cách sử dụng các thuốc giảm đau theo thang giảm đau ba bậc của Tổ chức y tế thế giới.
CLO 2	1. Kể được các triệu chứng lâm sàng thường gặp của u vòm mũi họng. 2. Nêu được chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt ung thư vòm mũi họng.

	3. Nêu được nguyên tắc điều trị theo giai đoạn bệnh.
CLO 3	1. Trình bày các yếu tố nguy cơ gây ung thư phế quản phổi 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán ung thư phế quản phổi 3. Nêu được nguyên tắc điều trị bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ và ung thư phổi tế bào nhỏ.
CLO 4	1. Trình bày được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây ung thư dạ dày 2. Trình bày được các phương pháp chẩn đoán bệnh ung thư dạ dày 3. Phân tích vai trò của các phương pháp điều trị ung thư dạ dày.
CLO 5	1. Trình bày được dịch tễ học và yếu tố nguy cơ của ung thư đại trực tràng 2. Trình bày được các đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán ung thư đại trực tràng. 3. Trình bày được các nguyên tắc điều trị ung thư đại trực tràng.
CLO 6	1. Trình bày được dịch tễ học, yếu tố nguy cơ gây ung thư vú. 2. Trình bày được phương pháp chẩn đoán ung thư vú và các yếu tố tiên lượng trong ung thư vú. 3. Trình bày được các phương pháp điều trị ung thư vú.
CLO 7	1. Trình bày được chẩn đoán u lympho ác tính không Hodgkin 2. Trình bày được xếp loại giai đoạn u lympho ác tính không Hodgkin theo Ann Arbor 3. Nêu được nguyên tắc điều trị u lympho ác tính không Hodgkin
CLO 8	1. Trình bày được chẩn đoán ung thư gan 2. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư gan
CLO 9	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư buồng trứng. 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư buồng trứng. 3. Nắm được nguyên tắc điều trị ung thư buồng trứng theo giai đoạn.
CLO 10	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng ung thư cổ tử cung 2. Trình bày được triệu chứng cận lâm sàng ung thư cổ tử cung 3. Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư cổ tử cung theo các giai đoạn

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CLO 1				3		3	3	3
CLO 2				3		3	3	3
CLO 3				3		3	3	3
CLO 4				3		3	3	3
CLO 5				3		3	3	3
CLO 6				3		3	3	3

CLO 7				3		3	3	3
CLO 8				3		3	3	3
CLO 9				3		3	3	3
CLO 10				3		3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mic

6.1.2. Lâm sàng: Tại bệnh viện K

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 5/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 5/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4	Điều trị giảm đau	4	Năm được điều trị giảm đau	4,6,7,8	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
4	Ung thư vòm	4	Có khả năng khám, đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư vòm	4,6,7,8			
4	Ung thư phổi	4	Có khả năng khám, chẩn	4,6,7,8			

4	Ung thư dạ dày	4	đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư Phế quản - Phôi	4,6,7,8			
4	Ung thư đại tràng	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư dạ dày	4,6,7,8			
4	Ung thư vú	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư đại tràng	4,6,7,8			
4	U lympho ác tính không Hodgkin	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh U lympho ác tính không Hodgkin	4,6,7,8			
4	Ung thư gan nguyên phát	4	Có khả năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng được	4,6,7,8			

4	Ung thư biểu mô buồng trứng	4	Có khả năng chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư biểu mô buồng trứng	4,6,7,8				
4	Ung thư cổ tử cung	4	Có khả năng chẩn đoán, điều trị và dự phòng được bệnh Ung thư cổ tử cung	4,6,7,8				

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt		Không đạt		
		Rất tốt	Tốt			
		Đạt	Đạt			
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra				Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiêu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Đánh giá	
		Đạt		Không đạt		
		Rất tốt	Tốt			
		Đạt	Đạt			
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch		nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng		
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định		không theo quy định		
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo		Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định		

		đúng quy định	Thiếu một phần		Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu chuẩn	Thiếu một phần		Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân tổng quan	10%	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu một phần		Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu một phần		Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Dự kiến kết quả, bản luận, kết luận, kế hoạch nghiên cứu, phụ lục	10%	Đúng yêu cầu chuẩn, logic	Thiếu một phần		Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (lý thuyết)	66,7%	Điểm tiểu luận	Chủ đề bộ môn ra	100%	3	4,6,7,8	Mỗi HV hoàn thành 01 bài báo cáo
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (Thực hành)	33,3%	Thi lâm sàng tại bệnh viện thực hành	Hỏi thi vấn đáp	100%	3	4,6,7,8	Hỏi thi vấn đáp

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ), năm 2022

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bài giảng Ung thư học (2001), Bộ môn Ung thư, Trường Đại học Y Hà Nội.

[2] Ung thư học đại cương (2009), Bộ Y tế.

[3] Bệnh học Ung thư Phụ khoa (2005), Trần Thị Phương Mai.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt*Hà Nội, ngày tháng năm*

TRƯỞNG KHOA <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	BỘ MÔN/MÔ ĐUN <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Thái Hoà
--	--

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NỘI CHUYÊN SÂU YHCT KẾT HỢP YHHD 1
Đối tượng: Cao học Y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội chuyên sâu YHCT kết hợp YHHD 1

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine Part 1

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 5 tín chỉ (LT: 2, LS: 3)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	

- Điều kiện tham gia học phần: đã học xong phần “Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHD”

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	TS Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	BSCCKII Nguyễn Thị Hồng Loan	0983 937 809	hongloanbibi@gmail.com
4.	BSCCKII Trần Thị Kim Thu	0982 463 479	drtrankimthu@gmail.com
5.	BSCCKII Nguyễn Minh Hà	0915 965 596	Bsminhha99@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm cơ xương khớp.
MT2	Cập nhật được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm cơ xương khớp.
MT3	Phân tích, vận dụng và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng trong việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại nhóm bệnh cơ xương khớp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			
...			

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Xây dựng được bảng mô tả chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm cơ xương khớp.
CLO2	Mô tả được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm cơ xương khớp theo tài liệu cập nhật.
CLO3	Với từng chủ đề: phân tích, vận dụng và giải quyết tốt việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trên một ca bệnh cụ thể.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1	3	3	3	3	3	3	3
CLO2	3	3	3	3	3	3	3
CLO3	3	3	3	3	3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức bình bệnh án ca bệnh dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Phòng học có phương án chia nhóm nhỏ thảo luận.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên có giáo trình.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý trường hợp nghỉ học.

- Thực hành lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chi tiết học phần

Học phần Nội chuyên sâu 1 YHCT kết hợp YHHD cung cấp cho người học kiến thức về nhóm bệnh cơ xương khớp trong lâm sàng y học cổ truyền.

Chủ đề học tập bao gồm: 1/ Thoái hóa khớp gối, 2/ Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống cổ, 3/ Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng, 4/ Viêm cột sống dính khớp, 5/ Viêm khớp dạng thấp, 6/ Viêm quanh khớp vai, 7/ Hoại tử vô khuẩn chỏm xương, 8/ Loãng xương.

Với mỗi chủ đề, phần kiến thức và kỹ năng bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu theo y học cổ truyền; chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị theo y học hiện đại; phân tích để xây dựng phương án điều trị theo hướng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại cho ca bệnh cụ thể.

8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học	Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (tiết)						
		LT	TH	TL	BT	Tổng		
1.	Đại cương học phần	1	0	0	0	1	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Thoái hóa khớp gối	4	8	2	0	14	2	
3.	Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	4	8	2	0	14	2	
4.	Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	3	8	2	0	13	2	
5.	Viêm cột sống dính khớp	4	8	2	0	14	2	
6.	Viêm khớp dạng thấp	4	8	2	0	14	2	
7.	Viêm quanh khớp vai	4	8	2	0	14	2	
8.	Hoại tử vô	3	8	2	0	13	2	

	khuẩn chòm xương						
9.	Loãng xương	3	8	2	0	13	2
	Tổng	30	64	16	0		16

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
Điểm thi kết thúc học phần				
1	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	40%	- Kiến thức chính xác, cập nhật; - Hình thức trình bày theo quy định.	
2	Điểm lâm sàng	60%	- Thao tác kỹ năng đúng yêu cầu; - Logic và chính xác trong biện chứng điều trị	

10. Tài liệu học tập

- *Giáo trình học tập:*

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

- *Tài liệu tham khảo:*

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều trị học nội khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.

Trung y nội khoa học, Nhà xuất bản nhân dân Bắc Kinh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- Giáo vụ bộ môn căn cứ kế hoạch đào tạo của Học viện, xây dựng kế hoạch giảng dạy của học phần, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên thực hiện kế hoạch giảng dạy và lượng giá theo nhiệm vụ công việc được phân công.
- Giáo vụ bộ môn tổng hợp kết quả lượng giá, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt, nộp gửi về bộ phận quản lý.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20
BỘ MÔN



PGS.TS Đoàn Quang Huy

13. Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT
Đối tượng: Thạc sĩ y học cổ truyền

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 10 tín chỉ (LT: 5, LS: 5)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết

+ Lý thuyết: 75 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 20 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...	
2	Kỹ năng : Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....	
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng	CDR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CDR CỦA HỌC PHẦN

bệnh nội khoa y học cổ truyền.	
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
	Kiến thức cơ sở ngành X	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
--------------------------------------	-------------------------------------	---------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	---

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	2	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	3	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	3	8	2	0	15	1	
4.	Tiền bí	3	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	3	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	3	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	2	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	3	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	2	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	3	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	2	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vưng	3	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	2	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	2	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	2	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	2	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	2	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	9	8	2	0	15	1	
	Tổng	45		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Đại cương học phần	4	0	0				
Chương	1. Tiết tả	10	4	8	Bình		Đọc giáo	

1: Tiêu hóa	2. Vị quản thống 3. Tiện bí 4. Hoàng đản				bệnh án ca lâm sàng		trình, tài liệu tham khảo, trang website và	
Chương 2: Cơ xương khớp	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong 5. Ma mộc	15	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng		chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác.	
Chương 3: Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vựng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	10	4	8				
Chương 4: Tổng hợp 2	1. Khái thấu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	10	4	8				

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		
	Điểm lâm sàng	33%		

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

10. Tài liệu học tập

Giáo trình học tập

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA	<i>Hà Nội, ngày tháng năm 20</i> BỘ MÔN PGS.TS Đoàn Quang Huy
--------------------	---

Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật